

BIỂU PHÍ
QUY ĐỊNH CHO
SẢN PHẨM BẢO HIỂM HỖ TRỢ ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM DO BỆNH
LÝ NGHIÊM TRỌNG CHO NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM,
VÀ
SẢN PHẨM BẢO HIỂM HỖ TRỢ ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM DO BỆNH LÝ
NGHIÊM TRỌNG CHO BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ NGƯỜI HÔN PHỐI

*(Được phê chuẩn theo công văn số 14893 /BTC-QLBH
ngày 24 tháng 09 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

- ❖ Phí bảo hiểm dưới đây là phí bảo hiểm chuẩn theo định kỳ năm được xác định cho một đơn vị 1.000.000 đồng Phí bảo hiểm định kỳ năm của sản phẩm chính được hỗ trợ đóng phí, phân biệt theo tuổi, giới tính của Người được bảo hiểm của Sản phẩm bán kèm này, thời hạn hỗ trợ đóng phí và phân biệt theo các dòng Sản phẩm:
 - ✓ Sản phẩm bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do bệnh lý nghiêm trọng cho Người được bảo hiểm;
 - ✓ Sản phẩm bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do bệnh lý nghiêm trọng cho Bên mua bảo hiểm và Người hôn phối.
- ❖ Bên mua bảo hiểm có thể đóng phí bảo hiểm theo một trong các định kỳ đóng phí bảo hiểm mà Bảo Việt Nhân thọ cung cấp tại thời điểm yêu cầu bảo hiểm hoặc thời điểm yêu cầu thay đổi định kỳ đóng phí, bao gồm: năm, nửa năm, quý, tháng. Hệ số quy đổi phí đóng theo định kỳ phí nửa năm, phí quý, phí tháng, và phí năm do Bảo Việt Nhân thọ quy định tùy theo từng thời kỳ. Hệ số quy đổi phí đóng định kỳ hiện tại được quy định như sau:

Định kỳ	Hệ số quy đổi phí đóng định kỳ
Năm	1,00
Nửa năm (06 tháng)	0,53
Quý	0,28
Tháng	0,10

Bảo Việt Nhân thọ có thể xác định mức phí tối thiểu cho mỗi phương thức, định kỳ đóng phí tùy theo từng thời kỳ.

❖ Công thức tính phí bảo hiểm định kỳ:

$$\begin{aligned} \text{Phí bảo} &= (\text{Tỷ lệ phí bảo hiểm chuẩn}) \\ \text{hiểm định} &\times (\text{Phí bảo hiểm định kỳ năm} / \text{Phí bảo hiểm cơ bản định} \\ \text{kỳ} &\text{ kỳ năm (không bao gồm phí bảo hiểm đóng thêm) của Sản} \\ &\text{phẩm chính}) / 1.000.000 \\ &\times (\text{Hệ số quy đổi phí đóng định kỳ}) \\ &\times (1 + \text{Tỷ lệ phí phụ trội}) \end{aligned}$$

❖ Với các trường hợp áp dụng phí bảo hiểm phụ trội, phí bảo hiểm phụ trội được xác định theo quy định của Bảo Việt Nhân thọ trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro.

**BIỂU PHÍ SẢN PHẨM BẢO HIỂM HỖ TRỢ ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM
DO BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG CHO NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM**

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
0	-	-	-	-	11.852	13.603	14.895	16.410	17.431	18.742	19.533	20.669
1	-	-	-	8.110	9.350	10.700	11.691	12.859	13.641	14.652	15.257	16.133
2	-	-	5.806	7.167	8.246	9.423	10.286	11.305	11.984	12.866	13.392	14.156
3	-	4.069	5.269	6.491	7.460	8.517	9.291	10.206	10.816	11.608	12.079	12.765
4	2.560	3.955	5.140	6.347	7.304	8.347	9.112	10.015	10.617	11.399	11.865	12.542
5	2.380	3.674	4.773	5.892	6.779	7.747	8.456	9.294	9.853	10.578	11.010	11.638
6	2.138	3.267	4.225	5.201	5.974	6.819	7.436	8.167	8.654	9.286	9.662	10.210
7	2.020	3.072	3.963	4.872	5.591	6.378	6.952	7.633	8.085	8.675	9.024	9.535
8	2.033	3.098	4.002	4.923	5.653	6.450	7.032	7.722	8.181	8.778	9.132	9.650
9	2.063	3.133	4.040	4.965	5.698	6.498	7.083	7.775	8.236	8.836	9.191	9.711
10	2.155	3.256	4.188	5.140	5.892	6.716	7.316	8.029	8.502	9.119	9.484	10.018
11	2.320	3.520	4.536	5.574	6.394	7.291	7.947	8.723	9.239	9.911	10.310	10.892
12	2.365	3.546	4.545	5.566	6.371	7.254	7.898	8.662	9.168	9.830	10.220	10.793
13	2.470	3.682	4.705	5.752	6.578	7.484	8.143	8.927	9.445	10.124	10.524	11.112
14	2.673	3.981	5.085	6.216	7.107	8.085	8.797	9.643	10.202	10.935	11.367	12.002
15	2.828	4.174	5.308	6.471	7.386	8.392	9.122	9.993	10.567	11.321	11.763	12.417
16	2.990	4.395	5.578	6.792	7.746	8.796	9.557	10.466	11.064	11.851	12.312	12.994
17	3.143	4.592	5.811	7.064	8.047	9.131	9.915	10.853	11.469	12.281	12.755	13.458
18	2.445	3.177	3.771	4.404	4.880	5.427	5.804	6.278	6.571	6.980	7.203	7.558
19	2.478	3.242	3.865	4.527	5.026	5.598	5.993	6.488	6.796	7.224	7.458	7.829
20	2.500	3.300	3.954	4.646	5.171	5.769	6.185	6.702	7.026	7.474	7.720	8.109
21	2.535	3.370	4.055	4.777	5.327	5.952	6.387	6.928	7.267	7.735	7.994	8.400
22	2.585	3.470	4.198	4.962	5.547	6.208	6.672	7.245	7.607	8.102	8.378	8.808
23	2.688	3.648	4.440	5.270	5.907	6.625	7.131	7.752	8.147	8.685	8.987	9.453
24	2.803	3.845	4.708	5.610	6.304	7.083	7.635	8.309	8.741	9.325	9.655	10.161
25	2.890	4.022	4.963	5.942	6.699	7.545	8.148	8.880	9.352	9.986	10.347	10.897

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
26	2.917	4.120	5.127	6.168	6.981	7.881	8.530	9.310	9.821	10.496	10.890	11.475
27	2.976	4.251	5.325	6.428	7.297	8.253	8.949	9.777	10.326	11.044	11.470	12.092
28	3.051	4.402	5.544	6.714	7.641	8.654	9.398	10.276	10.867	11.628	12.087	12.748
29	3.141	4.574	5.792	7.033	8.024	9.100	9.898	10.831	11.465	12.275	12.771	13.473
30	3.222	4.735	6.024	7.335	8.386	9.523	10.372	11.358	12.035	12.891	13.423	14.166
31	3.348	4.934	6.290	7.665	8.772	9.965	10.862	11.897	12.614	13.513	14.078	14.859
32	3.583	5.283	6.740	8.215	9.408	10.688	11.655	12.767	13.542	14.507	15.120	15.959
33	3.885	5.748	7.349	8.966	10.278	11.682	12.748	13.967	14.824	15.884	16.563	17.484
34	4.202	6.244	8.003	9.776	11.220	12.760	13.936	15.275	16.222	17.385	18.138	19.150
35	4.528	6.772	8.710	10.659	12.253	13.947	15.248	16.720	17.771	19.051	19.888	21.002
36	4.875	7.340	9.475	11.618	13.377	15.240	16.678	18.298	19.462	20.871	21.800	23.026
37	5.263	7.993	10.363	12.736	14.692	16.756	18.358	20.153	21.452	23.014	24.054	25.414
38	5.706	8.586	11.189	13.540	15.662	17.574	19.295	20.843	22.231	23.475	24.587	25.578
39	6.228	9.447	12.358	14.990	17.367	19.511	21.442	23.180	24.741	26.141	27.393	28.511
40	6.825	10.428	13.690	16.640	19.306	21.713	23.884	25.838	27.595	29.172	30.585	31.847
41	7.455	11.491	15.147	18.456	21.449	24.154	26.594	28.794	30.773	32.551	34.144	35.570
42	8.084	12.539	16.578	20.236	23.548	26.542	29.245	31.684	33.880	35.855	37.626	39.212
43	8.700	13.546	17.942	21.927	25.536	28.802	31.753	34.417	36.817	38.977	40.917	42.655
44	9.359	14.636	19.426	23.770	27.708	31.273	34.497	37.409	40.035	42.400	44.526	46.432
45	10.078	15.826	21.047	25.785	30.082	33.975	37.498	40.683	43.557	46.146	48.476	51.289
46	11.048	17.410	23.188	28.432	33.189	37.498	41.397	44.922	48.103	50.970	53.549	56.661
47	12.223	19.349	25.822	31.697	37.025	41.853	46.222	50.171	53.735	56.948	59.837	63.322
48	13.647	21.732	29.077	35.744	41.790	47.268	52.226	56.708	60.754	64.399	67.679	71.632
49	15.238	24.426	32.772	40.347	47.218	53.444	59.079	64.172	68.771	72.915	76.643	81.132
50	16.805	27.064	36.383	44.843	52.515	59.468	65.760	71.449	76.585	81.213	85.377	90.388
51	18.298	29.544	39.759	49.032	57.442	65.063	71.962	78.198	83.827	88.901	93.466	98.959
52	19.557	31.607	42.553	52.490	61.503	69.669	77.062	83.744	89.777	95.215	100.107	105.992
53	20.512	33.137	44.606	55.017	64.460	73.017	80.762	87.764	94.084	99.781	104.907	111.073
54	21.587	34.843	46.884	57.815	67.730	76.713	84.845	92.196	98.832	104.813	110.195	116.669
55	22.793	36.715	49.361	60.840	71.252	80.686	89.225	96.945	103.913	110.194	115.845	122.645
56	24.043	38.638	51.897	63.931	74.847	84.737	93.689	101.782	109.087	115.671	121.594	128.725

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
57	25.742	41.378	55.582	68.476	80.170	90.767	100.358	109.028	116.854	123.908	130.254	137.894
58	27.978	45.098	60.650	74.767	87.571	99.173	109.675	119.168	127.738	135.462	142.411	150.774
59	30.400	49.188	66.256	81.749	95.802	108.536	120.062	130.482	139.889	148.367	155.995	165.170
60	36.045	59.524	81.624	102.425	103.235	118.829	133.508	147.324	160.329	172.570	184.092	194.937
61	39.185	64.923	89.149	111.952	112.890	129.985	146.076	161.221	175.478	188.896	201.527	213.416
62	42.324	70.195	96.430	121.124	122.157	140.669	158.094	174.496	189.934	204.465	218.143	231.018
63	45.336	75.089	103.094	129.454	130.533	150.294	168.895	186.403	202.883	218.395	232.996	246.740
64	48.500	80.197	110.032	138.114	139.232	160.285	180.102	198.754	216.311	232.836	248.392	263.033
65	52.295	86.433	118.567	148.813	150.009	172.684	194.027	214.116	233.026	250.825	267.578	-
66	56.436	93.276	127.951	160.590	161.880	186.348	209.380	231.058	251.464	270.671	-	-
67	60.869	100.726	138.241	173.553	174.977	201.450	226.368	249.822	271.899	-	-	-
68	65.978	109.555	150.573	189.181	190.827	219.770	247.014	272.658	-	-	-	-
69	71.398	118.982	163.770	205.928	207.824	239.429	269.177	-	-	-	-	-
70	77.562	129.853	179.074	225.403	227.625	262.357	-	-	-	-	-	-
71	84.802	142.529	196.865	248.010	250.589	-	-	-	-	-	-	-
72	93.182	157.087	217.238	273.857	-	-	-	-	-	-	-	-
73	102.500	173.372	240.082	-	-	-	-	-	-	-	-	-
74	112.333	190.744	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
75	122.715	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)

Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
0	21.266	21.777	22.212	22.577	22.881	23.130	23.329	23.483	23.597	23.676	23.722	23.740
1	16.588	16.978	17.309	17.587	17.818	18.006	18.156	18.272	18.357	18.414	18.447	18.458
2	14.552	14.890	15.177	15.418	15.618	15.780	15.909	16.009	16.082	16.130	16.158	16.166
3	13.120	13.423	13.680	13.895	14.074	14.219	14.334	14.423	14.487	14.530	14.554	14.561
4	12.893	13.193	13.448	13.661	13.839	13.983	14.097	14.186	14.250	14.294	14.318	14.325
5	11.963	12.241	12.477	12.675	12.840	12.973	13.079	13.161	13.221	13.261	13.284	13.290
6	10.493	10.735	10.940	11.112	11.254	11.369	11.461	11.532	11.583	11.617	11.636	11.641
7	9.797	10.022	10.212	10.372	10.504	10.611	10.696	10.761	10.809	10.840	10.857	10.862
8	9.916	10.144	10.337	10.499	10.633	10.742	10.828	10.895	10.943	10.975	10.993	10.997
9	9.978	10.207	10.400	10.562	10.697	10.806	10.892	10.959	11.007	11.039	11.056	11.061
10	10.292	10.527	10.725	10.892	11.029	11.141	11.229	11.297	11.346	11.378	11.396	11.400
11	11.191	11.447	11.664	11.846	11.996	12.118	12.215	12.289	12.343	12.379	12.398	12.403
12	11.087	11.337	11.549	11.727	11.873	11.992	12.086	12.158	12.210	12.244	12.262	12.266
13	11.412	11.668	11.885	12.066	12.216	12.337	12.433	12.506	12.559	12.593	12.611	12.614
14	12.325	12.602	12.836	13.031	13.193	13.324	13.427	13.506	13.563	13.600	13.619	13.622
15	12.748	13.031	13.270	13.470	13.635	13.768	13.874	13.954	14.011	14.048	14.067	14.069
16	13.339	13.633	13.882	14.091	14.262	14.401	14.510	14.593	14.652	14.690	14.709	14.712
17	13.813	14.116	14.372	14.586	14.762	14.904	15.016	15.101	15.161	15.199	15.218	15.220
18	7.720	7.857	7.971	8.065	8.140	8.198	8.241	8.272	8.290	8.298	8.296	8.287
19	8.001	8.145	8.266	8.364	8.444	8.506	8.553	8.585	8.606	8.615	8.615	8.605
20	8.290	8.443	8.571	8.675	8.760	8.827	8.877	8.912	8.935	8.946	8.947	8.938
21	8.590	8.751	8.886	8.997	9.086	9.157	9.211	9.249	9.273	9.286	9.287	9.279
22	9.011	9.184	9.328	9.447	9.544	9.620	9.678	9.720	9.748	9.763	9.765	9.758
23	9.676	9.866	10.024	10.155	10.262	10.347	10.412	10.459	10.491	10.508	10.513	10.506
24	10.406	10.613	10.788	10.932	11.050	11.144	11.216	11.269	11.305	11.325	11.332	11.326
25	11.165	11.394	11.586	11.745	11.876	11.980	12.061	12.120	12.161	12.186	12.195	12.191
26	11.770	12.022	12.235	12.413	12.559	12.678	12.771	12.842	12.892	12.925	12.941	12.942
27	12.413	12.688	12.922	13.119	13.282	13.415	13.521	13.603	13.663	13.703	13.726	13.733
28	13.097	13.397	13.652	13.868	14.049	14.197	14.316	14.409	14.479	14.528	14.558	14.571
29	13.852	14.178	14.458	14.695	14.894	15.058	15.192	15.298	15.378	15.436	15.474	15.493

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
30	14.574	14.926	15.229	15.487	15.705	15.886	16.034	16.152	16.243	16.311	16.356	16.382
31	15.294	15.671	15.996	16.273	16.508	16.704	16.866	16.996	17.098	17.174	17.227	17.259
32	16.432	16.844	17.199	17.503	17.762	17.979	18.158	18.303	18.418	18.505	18.567	18.607
33	18.011	18.470	18.867	19.208	19.499	19.744	19.947	20.113	20.246	20.347	20.421	20.470
34	19.736	20.248	20.692	21.074	21.401	21.678	21.908	22.098	22.250	22.368	22.456	22.516
35	21.656	22.228	22.726	23.155	23.524	23.836	24.098	24.315	24.490	24.628	24.732	24.805
36	23.756	24.395	24.952	25.434	25.849	26.202	26.499	26.746	26.947	27.107	27.229	27.316
37	26.233	26.952	27.580	28.125	28.595	28.996	29.336	29.619	29.851	30.037	30.181	30.286
38	26.459	27.240	27.929	28.534	29.063	29.523	30.346	31.120	31.850	32.536	33.182	33.791
39	29.506	30.388	31.168	31.855	32.456	33.450	34.385	35.266	36.095	36.875	37.609	38.301
40	32.971	33.970	34.854	35.633	36.834	37.966	39.031	40.033	40.976	41.864	42.700	43.487
41	36.841	37.972	38.974	40.428	41.796	43.084	44.296	45.437	46.512	47.523	48.474	49.370
42	40.628	41.889	43.622	45.253	46.789	48.234	49.594	50.875	52.080	53.215	54.282	55.287
43	44.208	46.244	48.160	49.963	51.661	53.259	54.763	56.178	57.511	58.765	59.946	61.057
44	48.824	51.077	53.196	55.192	57.070	58.838	60.502	62.068	63.543	64.930	66.237	67.466
45	53.936	56.428	58.774	60.982	63.061	65.017	66.858	68.592	70.223	71.759	73.204	74.564
46	59.591	62.348	64.944	67.387	69.686	71.851	73.888	75.806	77.611	79.310	80.910	82.415
47	66.603	69.691	72.597	75.333	77.908	80.332	82.614	84.761	86.783	88.685	90.476	92.162
48	75.353	78.855	82.151	85.254	88.175	90.924	93.512	95.947	98.240	100.398	102.429	104.341
49	85.358	89.336	93.080	96.604	99.921	103.043	105.982	108.748	111.352	113.803	116.110	118.281
50	95.106	99.546	103.725	107.659	111.361	114.847	118.127	121.215	124.122	126.857	129.432	131.856
51	104.128	108.994	113.574	117.886	121.944	125.763	129.359	132.743	135.928	138.926	141.749	144.405
52	111.531	116.745	121.653	126.272	130.620	134.713	138.565	142.192	145.605	148.817	151.841	154.688
53	116.877	122.340	127.482	132.322	136.878	141.167	145.203	149.002	152.578	155.945	159.113	-
54	122.763	128.499	133.899	138.981	143.764	148.267	152.505	156.495	160.250	163.784	-	-
55	129.046	135.071	140.742	146.080	151.104	155.834	160.285	164.476	168.420	-	-	-
56	135.437	141.754	147.701	153.298	158.567	163.526	168.194	172.587	-	-	-	-
57	145.084	151.853	158.223	164.220	169.864	175.177	180.178	-	-	-	-	-
58	158.645	166.054	173.028	179.592	185.771	191.586	-	-	-	-	-	-
59	173.806	181.935	189.587	196.789	203.568	-	-	-	-	-	-	-
60	205.145	214.754	223.799	232.312	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
61	224.606	235.139	245.054	-	-	-	-	-	-	-	-	-
62	243.136	254.543	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
63	259.676	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
0	23.732	23.701	23.649	23.580	23.494	23.394	23.282	23.158	23.379	23.586	23.782	23.966
1	18.449	18.422	18.380	18.324	18.256	18.176	18.087	17.990	18.160	18.320	18.471	18.613
2	16.157	16.133	16.095	16.045	15.985	15.914	15.836	15.750	15.898	16.038	16.169	16.293
3	14.552	14.530	14.495	14.450	14.395	14.331	14.260	14.182	14.316	14.441	14.559	14.670
4	14.317	14.296	14.263	14.218	14.165	14.103	14.033	13.957	14.088	14.212	14.329	14.438
5	13.283	13.263	13.232	13.191	13.141	13.084	13.019	12.948	13.070	13.185	13.293	13.395
6	11.634	11.616	11.588	11.552	11.508	11.457	11.400	11.337	11.444	11.544	11.638	11.727
7	10.855	10.838	10.811	10.777	10.736	10.688	10.634	10.576	10.675	10.769	10.856	10.939
8	10.990	10.973	10.947	10.912	10.870	10.822	10.768	10.709	10.810	10.904	10.993	11.077
9	11.053	11.036	11.009	10.974	10.932	10.883	10.829	10.769	10.870	10.965	11.055	11.139
10	11.392	11.374	11.346	11.310	11.266	11.215	11.159	11.098	11.201	11.299	11.391	11.478
11	12.395	12.375	12.345	12.306	12.259	12.204	12.143	12.076	12.189	12.296	12.396	12.490
12	12.257	12.236	12.206	12.166	12.119	12.064	12.003	11.937	12.048	12.153	12.252	12.344
13	12.604	12.583	12.551	12.510	12.461	12.404	12.341	12.273	12.387	12.495	12.596	12.691
14	13.612	13.589	13.554	13.510	13.457	13.396	13.328	13.254	13.377	13.493	13.602	13.705
15	14.057	14.033	13.996	13.950	13.894	13.831	13.760	13.683	13.810	13.929	14.042	14.147
16	14.699	14.672	14.634	14.585	14.527	14.460	14.386	14.305	14.437	14.562	14.679	14.790
17	15.206	15.178	15.138	15.087	15.026	14.956	14.879	14.796	14.932	15.061	15.182	15.296
18	8.269	8.245	8.215	8.180	8.140	8.096	8.049	7.998	8.067	8.132	8.193	8.251
19	8.588	8.564	8.533	8.497	8.456	8.411	8.362	8.310	8.382	8.450	8.514	8.574
20	8.921	8.897	8.866	8.829	8.787	8.741	8.691	8.637	8.713	8.784	8.851	8.913

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
21	9.262	9.238	9.207	9.169	9.127	9.079	9.027	8.972	9.051	9.125	9.195	9.260
22	9.741	9.717	9.685	9.646	9.602	9.553	9.499	9.441	9.525	9.603	9.677	9.747
23	10.490	10.464	10.431	10.390	10.343	10.291	10.234	10.173	10.263	10.348	10.428	10.504
24	11.310	11.283	11.248	11.206	11.156	11.100	11.040	10.974	11.072	11.165	11.252	11.334
25	12.174	12.148	12.111	12.066	12.014	11.956	11.891	11.821	11.928	12.028	12.123	12.212
26	12.931	12.907	12.874	12.831	12.780	12.722	12.657	12.587	12.702	12.809	12.911	13.006
27	13.726	13.706	13.675	13.634	13.585	13.527	13.462	13.391	13.514	13.629	13.737	13.840
28	14.568	14.553	14.525	14.486	14.437	14.380	14.315	14.244	14.374	14.498	14.613	14.722
29	15.496	15.484	15.459	15.422	15.375	15.318	15.253	15.181	15.321	15.453	15.577	15.694
30	16.391	16.383	16.362	16.328	16.282	16.226	16.162	16.089	16.238	16.378	16.510	16.634
31	17.273	17.269	17.251	17.219	17.175	17.121	17.056	17.226	17.385	17.535	17.677	17.810
32	18.626	18.627	18.612	18.582	18.538	18.483	18.680	18.866	19.041	19.205	19.360	19.506
33	20.497	20.503	20.491	20.463	20.420	20.654	20.875	21.083	21.278	21.463	21.636	21.799
34	22.551	22.564	22.556	22.530	22.809	23.071	23.318	23.551	23.770	23.976	24.170	24.352
35	24.850	24.870	24.868	25.200	25.513	25.807	26.084	26.345	26.590	26.821	27.039	27.243
36	27.374	27.403	27.798	28.171	28.521	28.851	29.161	29.454	29.729	29.988	30.232	30.461
37	30.358	30.832	31.278	31.699	32.094	32.467	32.817	33.147	33.458	33.750	34.025	34.284
38	34.363	34.902	35.409	35.886	36.336	36.759	37.157	37.532	37.884	38.216	38.529	38.823
39	38.951	39.564	40.140	40.683	41.193	41.674	42.127	42.553	42.954	43.331	43.686	44.020
40	44.228	44.925	45.581	46.198	46.780	47.327	47.842	48.327	48.783	49.212	49.617	49.997
41	50.213	51.007	51.754	52.457	53.119	53.742	54.328	54.880	55.400	55.889	56.349	-
42	56.234	57.124	57.962	58.751	59.494	60.193	60.851	61.470	62.053	62.602	-	-
43	62.103	63.088	64.015	64.887	65.708	66.481	67.208	67.893	68.537	-	-	-
44	68.623	69.713	70.738	71.703	72.612	73.467	74.272	75.029	-	-	-	-
45	75.845	77.050	78.185	79.253	80.258	81.204	82.095	-	-	-	-	-
46	83.832	85.166	86.421	87.603	88.715	89.762	-	-	-	-	-	-
47	93.749	95.242	96.648	97.971	99.217	-	-	-	-	-	-	-
48	106.140	107.834	109.429	110.930	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
49	120.325	122.249	124.060	-	-	-	-	-	-	-	-	-
50	134.138	136.285	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
51	146.905	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí của Sản phẩm (năm)											
	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
0	24.139	24.302	24.456	24.600	24.736	24.864	24.984	25.098	25.204	25.305	25.399	25.488
1	18.746	18.872	18.990	19.101	19.206	19.305	19.398	19.485	19.567	19.645	19.718	19.786
2	16.409	16.519	16.622	16.719	16.811	16.897	16.978	17.054	17.126	17.193	17.257	17.317
3	14.775	14.873	14.966	15.053	15.135	15.213	15.285	15.354	15.418	15.479	15.536	15.590
4	14.542	14.639	14.730	14.816	14.897	14.973	15.045	15.113	15.176	15.236	15.293	15.346
5	13.491	13.581	13.665	13.745	13.820	13.891	13.958	14.020	14.079	14.135	14.187	14.236
6	11.811	11.889	11.963	12.033	12.099	12.160	12.219	12.273	12.325	12.373	12.419	12.462
7	11.017	11.090	11.159	11.224	11.285	11.342	11.397	11.448	11.495	11.541	11.583	11.623
8	11.156	11.230	11.300	11.366	11.427	11.486	11.541	11.592	11.641	11.687	11.730	11.770
9	11.218	11.292	11.363	11.429	11.491	11.549	11.604	11.656	11.705	11.751	11.794	11.835
10	11.559	11.636	11.708	11.776	11.840	11.900	11.957	12.010	12.060	12.107	12.152	12.194
11	12.579	12.663	12.741	12.815	12.885	12.951	13.012	13.070	13.125	13.177	13.225	13.271
12	12.432	12.514	12.591	12.664	12.733	12.797	12.858	12.915	12.969	13.020	13.068	13.113
13	12.781	12.865	12.944	13.019	13.090	13.156	13.218	13.277	13.332	13.384	13.433	13.479
14	13.802	13.893	13.979	14.059	14.135	14.207	14.274	14.337	14.397	14.453	14.506	14.556
15	14.247	14.341	14.429	14.512	14.590	14.664	14.733	14.798	14.859	14.917	14.972	15.023
16	14.894	14.991	15.083	15.170	15.252	15.328	15.401	15.469	15.533	15.593	15.650	15.703
17	15.403	15.504	15.599	15.688	15.772	15.852	15.926	15.996	16.062	16.125	16.183	16.238

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí của Sản phẩm (năm)											
	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
18	8.305	8.356	8.404	8.449	8.491	8.531	8.569	8.604	8.638	8.669	8.699	8.726
19	8.631	8.684	8.734	8.781	8.826	8.868	8.907	8.944	8.979	9.012	9.043	9.072
20	8.973	9.028	9.081	9.130	9.177	9.220	9.262	9.300	9.337	9.371	9.403	9.434
21	9.322	9.380	9.435	9.487	9.535	9.581	9.624	9.664	9.702	9.738	9.772	9.804
22	9.812	9.874	9.932	9.986	10.038	10.086	10.132	10.174	10.215	10.253	10.288	10.322
23	10.575	10.642	10.705	10.764	10.820	10.872	10.921	10.968	11.012	11.053	11.092	11.128
24	11.411	11.484	11.552	11.616	11.677	11.734	11.787	11.838	11.885	11.930	11.972	12.012
25	12.296	12.374	12.449	12.518	12.584	12.646	12.704	12.759	12.811	12.859	12.905	12.948
26	13.096	13.180	13.260	13.335	13.406	13.472	13.534	13.593	13.648	13.701	13.750	13.796
27	13.936	14.026	14.111	14.191	14.267	14.338	14.405	14.467	14.527	14.582	14.635	14.684
28	14.825	14.922	15.013	15.098	15.179	15.255	15.326	15.393	15.457	15.516	15.572	15.625
29	15.803	15.907	16.004	16.096	16.182	16.263	16.340	16.411	16.479	16.543	16.603	-
30	16.751	16.861	16.964	17.062	17.154	17.240	17.321	17.398	17.470	17.537	-	-
31	17.935	18.053	18.164	18.269	18.367	18.459	18.547	18.629	18.706	-	-	-
32	19.643	19.773	19.894	20.009	20.116	20.218	20.313	20.403	-	-	-	-
33	21.953	22.097	22.233	22.361	22.482	22.595	22.702	-	-	-	-	-
34	24.524	24.686	24.838	24.981	25.116	25.243	-	-	-	-	-	-
35	27.436	27.617	27.788	27.949	28.100	-	-	-	-	-	-	-
36	30.677	30.880	31.071	31.252	-	-	-	-	-	-	-	-
37	34.528	34.757	34.973	-	-	-	-	-	-	-	-	-
38	39.100	39.360	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
39	44.335	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
0	25.572	25.651	25.725	25.795	25.861	25.923	25.981	26.036	26.087	26.136	26.182	26.225
1	19.851	19.912	19.969	20.023	20.073	20.121	20.166	20.208	20.248	20.285	20.321	20.354
2	17.373	17.426	17.476	17.523	17.567	17.609	17.648	17.685	17.719	17.752	17.783	17.812
3	15.641	15.688	15.733	15.775	15.815	15.852	15.887	15.921	15.952	15.981	16.009	16.035
4	15.396	15.443	15.487	15.528	15.568	15.605	15.639	15.672	15.703	15.732	15.759	15.785
5	14.283	14.326	14.367	14.406	14.442	14.476	14.509	14.539	14.568	14.594	14.620	14.643
6	12.502	12.540	12.576	12.610	12.641	12.671	12.699	12.726	12.751	12.774	12.796	12.817
7	11.661	11.696	11.729	11.761	11.790	11.818	11.844	11.869	11.892	11.914	11.935	11.954
8	11.808	11.844	11.878	11.910	11.940	11.968	11.994	12.019	12.043	12.065	12.086	12.105
9	11.873	11.909	11.943	11.975	12.005	12.034	12.060	12.085	12.109	12.131	12.152	12.172
10	12.233	12.270	12.305	12.338	12.369	12.398	12.425	12.451	12.476	12.498	12.520	12.540
11	13.314	13.354	13.392	13.428	13.462	13.493	13.523	13.551	13.578	13.603	13.626	13.648
12	13.155	13.195	13.232	13.267	13.300	13.332	13.361	13.389	13.415	13.439	13.462	13.484
13	13.522	13.563	13.602	13.638	13.672	13.704	13.734	13.762	13.789	13.814	13.838	13.860
14	14.603	14.647	14.688	14.727	14.764	14.798	14.831	14.862	14.890	14.918	14.943	14.967
15	15.071	15.116	15.159	15.199	15.237	15.272	15.306	15.337	15.367	15.395	15.421	15.446
16	15.753	15.801	15.845	15.887	15.927	15.964	15.999	16.032	16.063	16.092	16.119	16.145
17	16.290	16.339	16.385	16.428	16.469	16.507	16.543	16.577	16.609	16.639	16.668	-
18	8.753	8.777	8.801	8.822	8.843	8.862	8.880	8.898	8.914	8.929	-	-
19	9.099	9.125	9.149	9.172	9.193	9.213	9.232	9.250	9.267	-	-	-
20	9.462	9.489	9.515	9.539	9.561	9.582	9.602	9.621	-	-	-	-
21	9.834	9.862	9.888	9.913	9.936	9.959	9.979	-	-	-	-	-
22	10.354	10.383	10.412	10.438	10.463	10.486	-	-	-	-	-	-
23	11.163	11.195	11.225	11.254	11.281	-	-	-	-	-	-	-
24	12.049	12.084	12.117	12.148	-	-	-	-	-	-	-	-
25	12.988	13.027	13.062	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
26	13.839	13.880	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
27	14.731	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72
0	26.265	26.303	26.339	26.373	26.405	26.435	26.463	26.490	26.515	26.538	26.560	26.581
1	20.385	20.415	20.442	20.468	20.493	20.516	20.538	20.558	20.577	20.595	20.612	20.628
2	17.839	17.865	17.889	17.912	17.933	17.953	17.972	17.990	18.007	18.022	18.037	18.051
3	16.059	16.082	16.104	16.124	16.144	16.162	16.179	16.195	16.210	16.224	16.237	16.250
4	15.809	15.831	15.853	15.873	15.892	15.910	15.927	15.942	15.957	15.971	15.984	15.997
5	14.666	14.687	14.707	14.725	14.743	14.760	14.775	14.790	14.804	14.817	14.829	-
6	12.836	12.855	12.872	12.888	12.904	12.918	12.932	12.945	12.957	12.968	-	-
7	11.972	11.989	12.005	12.021	12.035	12.048	12.061	12.073	12.084	-	-	-
8	12.124	12.141	12.158	12.173	12.187	12.201	12.214	12.226	-	-	-	-
9	12.190	12.208	12.224	12.240	12.254	12.268	12.281	-	-	-	-	-
10	12.559	12.577	12.594	12.610	12.625	12.639	-	-	-	-	-	-
11	13.669	13.688	13.707	13.724	13.740	-	-	-	-	-	-	-
12	13.505	13.524	13.542	13.559	-	-	-	-	-	-	-	-
13	13.881	13.901	13.919	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	14.990	15.011	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	15.469	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	73	74	75	76								
0	26.601	26.619	26.636	26.653								
1	20.644	20.658	20.671	-								
2	18.064	18.077	-	-								
3	16.262	-	-	-								

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
0	-	-	-	-	8.228	8.782	9.857	10.883	11.861	12.794	13.373	14.203
1	-	-	-	5.912	6.969	7.421	8.316	9.170	9.984	10.761	11.240	11.931
2	-	-	4.277	5.251	6.180	6.573	7.360	8.110	8.825	9.508	9.928	10.534
3	-	2.887	3.777	4.625	5.434	5.773	6.458	7.111	7.734	8.328	8.693	9.221
4	1.690	2.453	3.181	3.875	4.537	4.808	5.369	5.903	6.413	6.900	7.196	7.628
5	1.428	2.021	2.588	3.128	3.643	3.846	4.282	4.698	5.095	5.473	5.702	6.038
6	1.255	1.763	2.247	2.709	3.150	3.322	3.695	4.050	4.390	4.714	4.908	5.196
7	1.150	1.625	2.077	2.509	2.921	3.082	3.431	3.763	4.080	4.383	4.565	4.834
8	1.100	1.579	2.036	2.473	2.888	3.056	3.408	3.744	4.064	4.370	4.555	4.827
9	1.103	1.596	2.067	2.516	2.944	3.119	3.482	3.827	4.157	4.472	4.663	4.943
10	1.163	1.685	2.183	2.658	3.111	3.296	3.680	4.046	4.395	4.727	4.930	5.226
11	1.223	1.773	2.299	2.800	3.278	3.473	3.878	4.264	4.632	4.983	5.197	5.509
12	1.255	1.799	2.317	2.812	3.284	3.473	3.873	4.253	4.617	4.963	5.173	5.482
13	1.315	1.866	2.391	2.892	3.370	3.559	3.964	4.350	4.718	5.069	5.281	5.593
14	1.408	1.994	2.554	3.087	3.596	3.797	4.228	4.639	5.031	5.405	5.630	5.963
15	1.480	2.081	2.654	3.201	3.722	3.925	4.367	4.788	5.189	5.572	5.802	6.143

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
16	1.555	2.173	2.762	3.324	3.860	4.066	4.519	4.952	5.365	5.758	5.994	6.344
17	1.635	2.267	2.870	3.445	3.993	4.201	4.665	5.108	5.530	5.933	6.173	6.531
18	1.515	1.968	2.400	2.812	3.206	3.331	3.664	3.981	4.284	4.572	4.738	4.994
19	1.570	2.040	2.488	2.915	3.323	3.453	3.798	4.127	4.441	4.740	4.912	5.178
20	1.645	2.146	2.623	3.079	3.514	3.654	4.022	4.373	4.707	5.026	5.210	5.493
21	1.738	2.272	2.781	3.267	3.731	3.882	4.274	4.648	5.005	5.345	5.541	5.844
22	1.840	2.417	2.967	3.493	3.993	4.159	4.583	4.987	5.373	5.740	5.953	6.280
23	1.963	2.592	3.192	3.765	4.312	4.495	4.958	5.399	5.819	6.221	6.453	6.810
24	2.083	2.772	3.429	4.056	4.654	4.860	5.366	5.849	6.309	6.749	7.005	7.395
25	2.205	2.961	3.682	4.370	5.026	5.257	5.812	6.342	6.847	7.329	7.611	8.040
26	2.350	3.182	3.976	4.733	5.455	5.716	6.327	6.910	7.466	7.996	8.309	8.781
27	2.535	3.453	4.329	5.164	5.961	6.252	6.926	7.569	8.183	8.768	9.114	9.634
28	2.758	3.773	4.742	5.666	6.548	6.873	7.619	8.331	9.010	9.657	10.041	10.617
29	3.003	4.126	5.197	6.219	7.193	7.556	8.381	9.168	9.919	10.634	11.060	11.696
30	3.280	4.520	5.703	6.831	7.907	8.310	9.221	10.089	10.918	11.708	12.179	12.882
31	3.618	4.989	6.296	7.544	8.734	9.180	10.187	11.148	12.064	12.938	13.458	14.235
32	3.980	5.489	6.929	8.302	9.612	10.104	11.213	12.270	13.279	14.241	14.814	15.669
33	4.343	5.997	7.576	9.082	10.518	11.058	12.274	13.433	14.539	15.593	16.222	17.160
34	4.733	6.547	8.278	9.929	11.504	12.099	13.431	14.703	15.915	17.072	17.762	18.790
35	5.155	7.146	9.045	10.857	12.585	13.240	14.702	16.097	17.428	18.697	19.455	20.583
36	5.610	7.799	9.887	11.879	13.778	14.503	16.110	17.644	19.106	20.502	21.336	22.577
37	6.148	8.570	10.881	13.085	15.188	15.994	17.773	19.470	21.089	22.633	22.534	23.340
38	6.788	9.487	12.062	14.517	16.860	16.973	18.867	20.674	22.398	23.519	24.520	25.411
39	7.710	10.715	13.580	16.314	18.921	19.030	21.138	22.646	24.523	25.753	26.853	27.834
40	8.778	12.123	15.314	18.358	21.261	20.896	23.193	24.844	26.889	28.239	29.447	30.527
41	9.468	13.109	16.582	19.894	23.054	22.740	25.247	27.063	29.297	30.787	32.122	33.317
42	10.107	14.009	17.730	21.280	24.666	24.408	27.104	29.069	31.471	33.087	34.538	35.839
43	10.672	14.789	18.716	22.462	26.034	25.837	28.690	30.782	33.325	35.050	36.601	37.993
44	11.307	15.705	19.901	23.902	27.719	27.597	30.653	32.910	35.635	37.500	39.179	40.687
45	11.984	16.690	21.178	25.460	29.543	29.504	32.782	35.218	38.143	40.161	41.980	43.617
46	12.949	18.042	22.901	27.535	31.260	31.302	34.782	37.382	40.489	42.647	44.595	47.193

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
47	13.873	19.334	24.542	29.509	32.790	32.916	36.576	39.325	42.593	44.880	47.799	50.584
48	14.736	20.531	26.058	31.331	34.087	34.297	38.110	40.987	44.393	47.642	50.740	53.696
49	15.671	21.935	27.909	33.608	35.856	36.186	40.232	44.091	47.773	51.284	54.633	57.827
50	18.788	26.428	33.715	40.666	47.296	47.663	53.025	58.139	63.017	67.670	64.898	68.708
51	20.035	28.212	36.011	43.450	50.546	50.946	56.684	62.158	67.379	72.358	69.398	73.475
52	21.190	29.875	38.158	46.060	53.596	54.031	60.126	65.939	71.484	76.774	73.637	77.968
53	22.215	31.360	40.083	48.403	56.339	56.807	63.225	69.347	75.186	80.755	77.461	82.021
54	23.320	33.142	42.511	51.447	59.971	60.534	67.427	74.002	80.273	86.255	82.765	87.663
55	24.530	35.079	45.142	54.740	63.894	64.557	71.960	79.022	85.758	92.183	88.480	93.741
56	25.793	36.907	47.509	57.621	67.266	67.969	75.770	83.210	90.306	97.075	93.179	98.721
57	26.965	38.652	49.799	60.432	70.574	71.331	79.533	87.356	94.818	101.936	97.852	103.680
58	28.048	40.326	52.037	63.208	73.863	74.690	83.307	91.526	99.365	106.843	102.578	108.701
59	29.135	42.319	54.895	66.890	78.332	79.329	88.581	97.407	105.825	113.855	109.362	115.937
60	30.323	44.494	58.011	70.905	83.203	84.385	94.331	103.817	112.866	121.496	116.756	123.823
61	31.643	46.596	60.860	74.465	87.441	88.728	99.223	109.233	118.781	127.888	122.917	130.374
62	32.975	48.697	63.692	77.996	91.639	93.024	104.058	114.582	124.620	134.195	128.995	136.835
63	34.323	50.788	66.493	81.474	95.763	97.237	108.793	119.815	130.328	140.356	134.929	143.140
64	35.680	53.262	70.031	86.027	101.284	102.966	115.305	127.074	138.300	149.008	143.299	152.066
65	37.455	56.641	74.942	92.398	109.048	111.048	124.513	137.356	149.607	161.292	155.193	-
66	39.378	60.030	79.730	98.520	116.442	118.700	133.194	147.019	160.206	172.784	-	-
67	41.055	62.884	83.704	103.564	122.507	124.955	140.275	154.887	168.824	-	-	-
68	42.970	66.136	88.233	109.310	129.413	132.079	148.337	163.845	-	-	-	-
69	45.060	70.141	94.064	116.883	138.648	141.697	159.299	-	-	-	-	-
70	48.605	76.753	103.601	129.210	153.636	157.275	-	-	-	-	-	-
71	53.905	86.102	116.812	146.105	174.045	-	-	-	-	-	-	-
72	59.933	96.779	131.925	165.448	-	-	-	-	-	-	-	-
73	66.790	108.980	149.223	-	-	-	-	-	-	-	-	-
74	74.260	123.127	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
75	82.570	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
0	14.661	15.399	16.103	16.775	17.415	17.634	18.204	18.349	18.857	18.938	19.390	19.417
1	12.309	12.924	13.510	14.069	14.602	14.782	15.256	15.374	15.797	15.862	16.239	16.259
2	10.866	11.406	11.921	12.412	12.880	13.037	13.454	13.557	13.928	13.985	14.315	14.332
3	9.509	9.979	10.427	10.855	11.263	11.399	11.762	11.850	12.173	12.222	12.510	12.523
4	7.862	8.247	8.614	8.964	9.298	9.407	9.704	9.775	10.040	10.077	10.313	10.323
5	6.218	6.517	6.803	7.075	7.335	7.418	7.649	7.702	7.908	7.935	8.119	8.124
6	5.349	5.605	5.849	6.082	6.304	6.375	6.572	6.617	6.793	6.816	6.973	6.977
7	4.977	5.217	5.445	5.662	5.870	5.936	6.121	6.163	6.328	6.349	6.496	6.500
8	4.973	5.214	5.445	5.665	5.874	5.942	6.129	6.173	6.339	6.362	6.510	6.515
9	5.094	5.343	5.580	5.807	6.023	6.093	6.285	6.331	6.502	6.527	6.679	6.685
10	5.386	5.649	5.900	6.140	6.368	6.443	6.646	6.695	6.876	6.902	7.063	7.070
11	5.678	5.955	6.220	6.473	6.714	6.793	7.007	7.058	7.249	7.277	7.447	7.454
12	5.647	5.921	6.183	6.432	6.670	6.747	6.958	7.008	7.196	7.223	7.390	7.397
13	5.760	6.038	6.303	6.555	6.796	6.873	7.088	7.137	7.328	7.354	7.524	7.529
14	6.140	6.436	6.718	6.987	7.244	7.326	7.554	7.607	7.810	7.837	8.018	8.024
15	6.324	6.627	6.916	7.192	7.454	7.538	7.772	7.825	8.033	8.060	8.246	8.251
16	6.530	6.841	7.138	7.421	7.692	7.777	8.017	8.071	8.285	8.312	8.503	8.508
17	6.720	7.039	7.343	7.632	7.909	7.995	8.241	8.295	8.514	8.542	8.737	8.741

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
18	5.123	5.351	5.569	5.777	5.975	6.030	6.207	6.239	6.396	6.410	6.550	6.547
19	5.311	5.548	5.774	5.989	6.195	6.252	6.435	6.468	6.631	6.645	6.790	6.787
20	5.636	5.888	6.129	6.359	6.578	6.639	6.834	6.871	7.045	7.060	7.215	7.212
21	5.996	6.266	6.523	6.768	7.001	7.067	7.275	7.314	7.500	7.516	7.681	7.679
22	6.445	6.736	7.014	7.278	7.531	7.603	7.827	7.871	8.071	8.089	8.268	8.265
23	6.991	7.309	7.612	7.900	8.176	8.255	8.500	8.548	8.766	8.787	8.982	8.980
24	7.595	7.942	8.274	8.590	8.891	8.979	9.248	9.301	9.540	9.565	9.778	9.777
25	8.260	8.641	9.005	9.352	9.682	9.780	10.075	10.135	10.397	10.425	10.659	10.659
26	9.025	9.445	9.845	10.227	10.591	10.700	11.024	11.092	11.381	11.413	11.670	11.672
27	9.905	10.368	10.809	11.231	11.632	11.754	12.111	12.187	12.506	12.543	12.826	12.829
28	10.918	11.430	11.918	12.384	12.829	12.964	13.360	13.445	13.797	13.839	14.152	14.157
29	12.030	12.596	13.136	13.651	14.143	14.294	14.731	14.826	15.215	15.262	15.609	15.614
30	13.251	13.876	14.472	15.041	15.583	15.750	16.233	16.339	16.768	16.821	17.204	17.210
31	14.644	15.335	15.994	16.623	16.848	17.408	17.560	18.059	18.148	18.592	18.627	19.023
32	16.119	16.880	17.605	17.900	18.151	18.754	18.927	19.464	19.569	20.048	20.094	20.521
33	17.653	18.488	18.864	19.189	19.468	20.116	20.310	20.887	21.009	21.523	21.582	22.041
34	19.332	19.806	20.220	20.579	20.888	21.584	21.802	22.422	22.562	23.115	23.188	23.682
35	20.718	21.238	21.693	22.089	22.431	23.179	23.423	24.090	24.251	24.846	24.934	25.466
36	22.243	22.815	23.316	23.753	24.132	24.938	25.212	25.932	26.115	26.757	26.863	27.436
37	24.054	24.685	25.239	25.725	26.147	27.022	27.331	28.112	28.323	29.020	29.145	29.768
38	26.203	26.903	27.521	28.063	28.536	29.493	29.842	30.696	30.937	31.700	32.428	33.122
39	28.706	29.480	30.163	30.764	31.290	32.334	32.725	33.658	34.548	35.397	36.207	36.980
40	31.488	32.342	33.098	33.764	34.347	35.490	36.579	37.618	38.609	39.555	40.457	41.317
41	34.383	35.331	36.172	36.915	38.251	39.525	40.740	41.899	43.005	44.059	45.065	46.025
42	37.001	38.037	38.957	40.494	41.960	43.359	44.693	45.965	47.179	48.337	49.441	50.494
43	39.238	40.350	42.091	43.752	45.336	46.847	48.288	49.663	50.974	52.225	53.418	54.556
44	42.040	44.035	45.939	47.754	49.486	51.138	52.714	54.216	55.650	57.017	58.321	59.565
45	45.906	48.089	50.172	52.158	54.053	55.860	57.584	59.229	60.797	62.293	63.720	65.081
46	49.671	52.034	54.288	56.439	58.490	60.446	62.312	64.092	65.789	67.409	68.953	70.426
47	53.240	55.774	58.190	60.496	62.694	64.791	66.792	68.700	70.519	72.255	73.911	75.490
48	56.515	59.204	61.769	64.215	66.549	68.775	70.898	72.922	74.854	76.696	78.454	80.130

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
49	60.874	63.781	66.553	69.197	71.719	74.125	76.419	78.608	80.696	82.687	84.586	86.398
50	72.342	75.808	79.114	82.268	85.276	88.145	90.882	93.493	95.982	98.357	100.623	102.783
51	77.364	81.074	84.613	87.988	91.207	94.278	97.207	100.001	102.665	105.207	107.631	109.944
52	82.098	86.039	89.797	93.382	96.801	100.063	103.173	106.141	108.971	111.671	114.246	116.702
53	86.371	90.520	94.477	98.252	101.853	105.287	108.563	111.687	114.667	117.510	120.221	-
54	92.335	96.791	101.042	105.096	108.963	112.652	116.170	119.526	122.727	125.780	-	-
55	98.759	103.545	108.110	112.465	116.618	120.580	124.359	127.963	131.401	-	-	-
56	104.008	109.051	113.860	118.448	122.824	126.998	130.979	134.777	-	-	-	-
57	109.239	114.541	119.599	124.423	129.024	133.413	137.599	-	-	-	-	-
58	114.541	120.112	125.425	130.493	135.327	139.938	-	-	-	-	-	-
59	122.208	128.190	133.896	139.338	144.529	-	-	-	-	-	-	-
60	130.564	136.993	143.126	148.976	-	-	-	-	-	-	-	-
61	137.487	144.271	150.743	-	-	-	-	-	-	-	-	-
62	144.313	151.445	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
63	150.972	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
0	19.820	19.800	20.160	20.100	20.421	20.328	20.614	20.493	20.748	20.603	20.831	20.665
1	16.594	16.576	16.875	16.824	17.090	17.011	17.249	17.147	17.359	17.237	17.426	17.287
2	14.627	14.610	14.873	14.827	15.061	14.991	15.200	15.109	15.295	15.187	15.354	15.231
3	12.780	12.764	12.993	12.952	13.157	13.094	13.277	13.197	13.359	13.264	13.409	13.301
4	10.533	10.519	10.706	10.671	10.838	10.786	10.935	10.868	11.001	10.922	11.041	10.951
5	8.288	8.275	8.420	8.392	8.522	8.479	8.595	8.542	8.645	8.582	8.674	8.603
6	7.117	7.105	7.230	7.205	7.316	7.279	7.379	7.332	7.421	7.366	7.445	7.384
7	6.631	6.620	6.737	6.714	6.818	6.784	6.876	6.833	6.916	6.865	6.939	6.882
8	6.647	6.638	6.755	6.733	6.838	6.805	6.898	6.856	6.939	6.889	6.964	6.907
9	6.821	6.812	6.933	6.910	7.018	6.984	7.081	7.037	7.123	7.072	7.149	7.091

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
10	7.213	7.203	7.332	7.308	7.422	7.386	7.488	7.442	7.533	7.479	7.560	7.499
11	7.605	7.595	7.730	7.705	7.826	7.788	7.896	7.847	7.943	7.886	7.972	7.907
12	7.546	7.535	7.669	7.643	7.762	7.724	7.830	7.782	7.877	7.820	7.904	7.840
13	7.681	7.669	7.804	7.778	7.898	7.859	7.967	7.917	8.013	7.955	8.040	7.975
14	8.186	8.173	8.317	8.288	8.417	8.375	8.490	8.437	8.539	8.477	8.568	8.498
15	8.416	8.403	8.550	8.520	8.652	8.609	8.726	8.671	8.776	8.712	8.805	8.733
16	8.678	8.663	8.815	8.784	8.919	8.874	8.994	8.938	9.045	8.979	9.075	9.000
17	8.915	8.899	9.054	9.022	9.160	9.113	9.237	9.178	9.288	9.219	9.318	9.240
18	6.672	6.655	6.766	6.737	6.836	6.798	6.886	6.839	6.918	6.864	6.934	6.874
19	6.917	6.899	7.014	6.985	7.088	7.047	7.139	7.090	7.172	7.116	7.189	7.127
20	7.350	7.332	7.454	7.423	7.533	7.491	7.588	7.537	7.624	7.565	7.643	7.577
21	7.826	7.807	7.938	7.905	8.022	7.977	8.081	8.026	8.119	8.056	8.139	8.069
22	8.424	8.404	8.546	8.511	8.637	8.589	8.702	8.643	8.744	8.676	8.766	8.691
23	9.154	9.132	9.287	9.249	9.387	9.336	9.458	9.395	9.505	9.432	9.530	9.448
24	9.967	9.945	10.114	10.074	10.224	10.169	10.304	10.235	10.355	10.276	10.383	10.295
25	10.867	10.845	11.030	10.987	11.153	11.093	11.241	11.167	11.299	11.213	11.331	11.235
26	11.901	11.877	12.082	12.036	12.218	12.153	12.316	12.236	12.381	12.287	12.417	12.312
27	13.082	13.057	13.282	13.232	13.433	13.363	13.542	13.454	13.614	13.512	13.655	13.541
28	14.436	14.409	14.658	14.604	14.826	14.749	14.948	14.851	15.029	14.916	15.074	14.948
29	15.924	15.894	16.170	16.110	16.356	16.272	16.491	16.385	16.581	16.457	16.632	16.494
30	17.552	17.520	17.824	17.759	18.031	17.938	18.180	18.064	18.280	18.144	18.337	18.184
31	19.012	19.365	19.315	19.630	19.547	19.828	19.716	19.967	19.832	20.056	19.901	20.101
32	20.518	20.899	20.853	21.193	21.111	21.414	21.301	21.572	21.434	21.676	21.906	22.126
33	22.046	22.456	22.415	22.781	22.701	23.027	22.914	23.206	23.484	23.749	24.002	24.243
34	23.697	24.137	24.102	24.496	24.419	24.770	25.105	25.425	25.730	26.021	26.298	26.563
35	25.491	25.966	25.938	26.362	26.266	27.151	27.519	27.870	28.204	28.523	28.828	29.118
36	27.474	27.986	28.474	28.940	29.385	29.808	30.213	30.598	30.966	31.317	31.652	31.971
37	30.362	30.929	31.469	31.985	32.477	32.946	33.393	33.820	34.227	34.615	34.986	35.339

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
38	33.784	34.415	35.017	35.592	36.140	36.662	37.161	37.636	38.090	38.523	38.935	39.329
39	37.717	38.419	39.090	39.729	40.339	40.921	41.476	42.005	42.510	42.991	43.451	43.889
40	42.137	42.920	43.666	44.378	45.057	45.705	46.323	46.912	47.474	48.010	48.522	49.010
41	46.940	47.813	48.646	49.440	50.197	50.920	51.609	52.266	52.893	53.492	54.062	-
42	51.499	52.457	53.371	54.243	55.075	55.868	56.624	57.346	58.034	58.691	-	-
43	55.641	56.676	57.664	58.606	59.504	60.361	61.178	61.958	62.702	-	-	-
44	60.752	61.883	62.963	63.993	64.975	65.911	66.805	67.657	-	-	-	-
45	66.379	67.617	68.798	69.925	71.000	72.025	73.002	-	-	-	-	-
46	71.832	73.172	74.450	75.670	76.833	77.942	-	-	-	-	-	-
47	76.997	78.434	79.804	81.111	82.358	-	-	-	-	-	-	-
48	81.729	83.254	84.708	86.095	-	-	-	-	-	-	-	-
49	88.126	89.774	91.346	-	-	-	-	-	-	-	-	-
50	104.844	106.810	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
51	112.150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
0	20.869	21.063	21.249	21.425	21.594	21.755	21.908	22.054	22.194	22.327	22.454	22.575
1	17.457	17.618	17.772	17.919	18.060	18.193	18.321	18.443	18.559	18.670	18.775	18.876
2	15.380	15.522	15.657	15.786	15.910	16.027	16.139	16.246	16.348	16.446	16.538	16.627
3	13.431	13.555	13.673	13.785	13.892	13.995	14.092	14.186	14.274	14.359	14.440	14.517
4	11.057	11.159	11.255	11.347	11.435	11.519	11.599	11.675	11.748	11.817	11.883	11.946
5	8.686	8.765	8.840	8.911	8.980	9.045	9.107	9.167	9.223	9.277	9.329	9.378
6	7.455	7.522	7.586	7.648	7.706	7.762	7.815	7.866	7.914	7.960	8.004	8.046
7	6.948	7.011	7.071	7.129	7.183	7.235	7.285	7.332	7.378	7.421	7.462	7.501
8	6.973	7.037	7.098	7.156	7.211	7.263	7.314	7.361	7.407	7.451	7.492	7.532

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
9	7.160	7.225	7.287	7.347	7.404	7.458	7.510	7.559	7.606	7.651	7.694	7.735
10	7.572	7.641	7.707	7.770	7.830	7.888	7.942	7.994	8.044	8.092	8.137	8.180
11	7.984	8.057	8.127	8.193	8.257	8.317	8.375	8.430	8.482	8.532	8.580	8.626
12	7.915	7.988	8.056	8.122	8.185	8.244	8.301	8.356	8.407	8.457	8.504	8.549
13	8.051	8.124	8.194	8.260	8.324	8.384	8.442	8.497	8.550	8.600	8.647	8.693
14	8.579	8.657	8.731	8.802	8.870	8.934	8.995	9.054	9.110	9.163	9.214	9.263
15	8.816	8.896	8.972	9.044	9.114	9.180	9.243	9.303	9.360	9.414	9.467	9.516
16	9.086	9.168	9.246	9.320	9.391	9.459	9.524	9.586	9.645	9.701	9.754	9.805
17	9.328	9.412	9.492	9.568	9.641	9.710	9.777	9.840	9.900	9.957	10.012	10.064
18	6.937	6.998	7.055	7.110	7.162	7.211	7.259	7.304	7.347	7.389	7.428	7.465
19	7.192	7.255	7.314	7.371	7.425	7.477	7.526	7.573	7.617	7.660	7.701	7.740
20	7.646	7.713	7.776	7.836	7.894	7.949	8.002	8.052	8.099	8.145	8.188	8.230
21	8.144	8.214	8.282	8.346	8.408	8.467	8.523	8.576	8.627	8.675	8.722	8.766
22	8.771	8.847	8.920	8.990	9.057	9.120	9.180	9.238	9.293	9.345	9.395	9.443
23	9.536	9.619	9.699	9.775	9.847	9.916	9.982	10.045	10.105	10.162	10.217	10.269
24	10.391	10.482	10.569	10.653	10.732	10.808	10.880	10.949	11.014	11.077	11.137	11.194
25	11.340	11.440	11.536	11.627	11.714	11.797	11.876	11.952	12.024	12.092	12.158	12.221
26	12.428	12.539	12.644	12.744	12.840	12.931	13.019	13.102	13.181	13.257	13.329	13.398
27	13.668	13.790	13.906	14.017	14.123	14.224	14.320	14.412	14.499	14.582	14.662	14.738
28	15.089	15.224	15.353	15.475	15.592	15.704	15.810	15.912	16.009	16.101	16.189	16.273
29	16.650	16.799	16.941	17.076	17.206	17.329	17.447	17.559	17.666	17.768	17.865	-
30	18.357	18.521	18.678	18.828	18.970	19.107	19.236	19.360	19.478	19.591	-	-
31	20.291	20.473	20.647	20.812	20.970	21.121	21.264	21.401	21.532	-	-	-
32	22.336	22.537	22.728	22.910	23.083	23.249	23.407	23.558	-	-	-	-
33	24.473	24.693	24.902	25.102	25.293	25.474	25.648	-	-	-	-	-
34	26.815	27.056	27.285	27.504	27.713	27.912	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
35	29.395	29.659	29.911	30.151	30.381	-	-	-	-	-	-	-
36	32.275	32.566	32.843	33.107	-	-	-	-	-	-	-	-
37	35.676	35.997	36.304	-	-	-	-	-	-	-	-	-
38	39.704	40.062	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
39	44.307	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
0	22.690	22.800	22.906	23.006	23.101	23.193	23.279	23.362	23.442	23.517	23.589	23.658
1	18.972	19.064	19.151	19.235	19.314	19.390	19.463	19.532	19.597	19.660	19.720	19.777
2	16.711	16.792	16.869	16.942	17.012	17.079	17.142	17.203	17.261	17.316	17.369	17.419
3	14.591	14.661	14.728	14.791	14.852	14.910	14.966	15.019	15.069	15.117	15.163	15.207
4	12.007	12.064	12.119	12.171	12.221	12.268	12.314	12.357	12.398	12.437	12.475	12.511
5	9.424	9.469	9.512	9.552	9.591	9.628	9.663	9.697	9.729	9.760	9.789	9.817
6	8.087	8.125	8.161	8.196	8.229	8.261	8.291	8.320	8.347	8.373	8.398	8.422
7	7.539	7.574	7.608	7.641	7.672	7.701	7.730	7.756	7.782	7.807	7.830	7.852
8	7.570	7.606	7.640	7.673	7.704	7.734	7.763	7.790	7.816	7.840	7.864	7.886
9	7.774	7.811	7.846	7.880	7.912	7.943	7.972	8.000	8.027	8.052	8.077	8.100
10	8.221	8.261	8.298	8.334	8.368	8.400	8.431	8.461	8.489	8.516	8.542	8.566
11	8.669	8.711	8.750	8.788	8.824	8.858	8.891	8.922	8.952	8.980	9.007	9.033
12	8.592	8.633	8.672	8.709	8.744	8.778	8.810	8.841	8.871	8.899	8.925	8.951
13	8.736	8.778	8.817	8.855	8.891	8.925	8.958	8.989	9.019	9.047	9.075	9.100
14	9.309	9.353	9.395	9.435	9.474	9.510	9.545	9.578	9.610	9.640	9.669	9.696
15	9.564	9.609	9.652	9.693	9.732	9.770	9.805	9.840	9.872	9.903	9.933	9.961
16	9.854	9.900	9.945	9.987	10.027	10.066	10.102	10.137	10.171	10.203	10.233	10.262

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
17	10.114	10.162	10.207	10.250	10.292	10.331	10.369	10.404	10.438	10.471	10.502	-
18	7.501	7.535	7.568	7.599	7.628	7.656	7.683	7.709	7.733	7.757	-	-
19	7.777	7.812	7.846	7.878	7.909	7.938	7.966	7.992	8.018	-	-	-
20	8.269	8.307	8.343	8.377	8.410	8.441	8.471	8.499	-	-	-	-
21	8.808	8.848	8.886	8.923	8.958	8.991	9.023	-	-	-	-	-
22	9.489	9.532	9.574	9.613	9.651	9.687	-	-	-	-	-	-
23	10.319	10.366	10.411	10.454	10.495	-	-	-	-	-	-	-
24	11.248	11.300	11.349	11.396	-	-	-	-	-	-	-	-
25	12.280	12.337	12.391	-	-	-	-	-	-	-	-	-
26	13.463	13.526	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
27	14.810	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72
0	23.723	23.786	23.845	23.902	23.956	24.008	24.057	24.104	24.149	24.192	24.233	24.272
1	19.832	19.884	19.933	19.981	20.026	20.069	20.110	20.149	20.186	20.222	20.256	20.288
2	17.467	17.512	17.556	17.597	17.637	17.675	17.711	17.745	17.778	17.809	17.839	17.868
3	15.248	15.288	15.326	15.362	15.397	15.430	15.461	15.491	15.520	15.547	15.573	15.598
4	12.545	12.577	12.609	12.638	12.666	12.693	12.719	12.744	12.767	12.789	12.811	12.831
5	9.843	9.869	9.893	9.916	9.938	9.959	9.979	9.998	10.016	10.033	10.050	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72
6	8.445	8.466	8.487	8.507	8.526	8.544	8.561	8.577	8.593	8.607	-	-
7	7.873	7.894	7.913	7.931	7.949	7.966	7.982	7.997	8.011	-	-	-
8	7.908	7.928	7.948	7.966	7.984	8.001	8.017	8.033	-	-	-	-
9	8.122	8.143	8.163	8.182	8.200	8.218	8.234	-	-	-	-	-
10	8.590	8.612	8.633	8.654	8.673	8.691	-	-	-	-	-	-
11	9.058	9.081	9.104	9.125	9.145	-	-	-	-	-	-	-
12	8.975	8.998	9.021	9.042	-	-	-	-	-	-	-	-
13	9.125	9.148	9.171	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	9.723	9.748	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	9.988	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	73	74	75	76								
0	24.309	24.344	24.378	24.410								
1	20.319	20.349	20.377	-								
2	17.895	17.921	-	-								
3	15.621	-	-	-								

**BIỂU PHÍ SẢN PHẨM BẢO HIỂM HỖ TRỢ ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM
DO BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG
CHO BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ NGƯỜI HÔN PHỐI**

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
18	2.445	3.205	3.851	4.558	5.125	5.785	6.280	6.895	7.325	7.899	8.272	8.808
19	2.478	3.271	3.948	4.688	5.282	5.971	6.490	7.133	7.585	8.185	8.576	9.136
20	2.500	3.331	4.041	4.815	5.438	6.159	6.704	7.377	7.851	8.479	8.890	9.476
21	2.535	3.402	4.146	4.954	5.606	6.359	6.930	7.632	8.129	8.784	9.215	9.827
22	2.585	3.504	4.294	5.149	5.843	6.640	7.247	7.991	8.519	9.213	9.671	10.319
23	2.688	3.684	4.544	5.473	6.228	7.093	7.754	8.561	9.137	9.890	10.390	11.093
24	2.803	3.885	4.822	5.830	6.652	7.592	8.312	9.188	9.816	10.634	11.179	11.942
25	2.890	4.065	5.086	6.181	7.077	8.098	8.883	9.834	10.519	11.407	12.002	12.830
26	2.917	4.166	5.258	6.422	7.383	8.469	9.313	10.326	11.064	12.010	12.653	13.536
27	2.976	4.300	5.463	6.698	7.725	8.877	9.780	10.855	11.647	12.652	13.343	14.282
28	3.051	4.453	5.691	6.999	8.094	9.315	10.280	11.421	12.269	13.335	14.077	15.074
29	3.141	4.629	5.948	7.337	8.505	9.802	10.835	12.047	12.956	14.090	14.887	15.947
30	3.222	4.792	6.189	7.655	8.895	10.265	11.362	12.643	13.611	14.810	15.661	16.782
31	3.348	4.994	6.462	8.001	9.306	10.744	11.901	13.247	14.270	15.529	16.430	17.608
32	3.583	5.348	6.925	8.576	9.980	11.524	12.771	14.215	15.320	16.672	17.647	18.913
33	3.885	5.819	7.552	9.361	10.905	12.598	13.972	15.557	16.776	18.259	19.337	20.727
34	4.202	6.322	8.225	10.209	11.909	13.765	15.280	17.019	18.364	19.993	21.185	22.711
35	4.528	6.857	8.955	11.135	13.011	15.053	16.726	18.639	20.129	21.921	23.242	24.923
36	4.875	7.434	9.744	12.141	14.210	16.456	18.304	20.409	22.056	24.029	25.493	27.343
37	5.263	8.097	10.661	13.316	15.615	18.102	20.160	22.492	24.328	26.515	28.149	30.200
38	5.706	8.700	11.515	14.163	16.655	18.998	21.204	23.278	25.231	27.067	28.795	30.421
39	6.228	9.574	12.722	15.686	18.476	21.102	23.575	25.903	28.095	30.159	32.102	33.930
40	6.825	10.570	14.097	17.418	20.547	23.495	26.271	28.888	31.352	33.674	35.861	37.921
41	7.455	11.650	15.602	19.327	22.839	26.149	29.269	32.210	34.983	37.597	40.061	42.383
42	8.084	12.714	17.080	21.198	25.081	28.744	32.199	35.458	38.532	41.432	44.166	46.744
43	8.700	13.736	18.488	22.972	27.204	31.198	34.967	38.525	41.882	45.051	48.041	50.862
44	9.359	14.843	20.020	24.908	29.524	33.883	37.999	41.886	45.556	49.022	52.294	55.382

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
45	10.078	16.051	21.694	27.024	32.060	36.819	41.314	45.562	49.576	53.367	56.948	61.193
46	11.048	17.659	23.904	29.803	35.377	40.644	45.620	50.321	54.763	58.959	62.923	67.620
47	12.223	19.629	26.624	33.233	39.476	45.376	50.950	56.217	61.193	65.894	70.335	75.594
48	13.647	22.049	29.986	37.485	44.570	51.264	57.589	63.565	69.212	74.546	79.586	85.550
49	15.238	24.786	33.804	42.325	50.375	57.982	65.169	71.960	78.377	84.439	90.166	96.940
50	16.805	27.465	37.536	47.050	56.040	64.533	72.559	80.143	87.308	94.077	100.472	108.034
51	18.298	29.983	41.022	51.451	61.305	70.615	79.412	87.725	95.579	103.000	110.010	118.297
52	19.557	32.078	43.907	55.082	65.641	75.618	85.045	93.953	102.369	110.321	117.833	126.713
53	20.512	33.631	46.025	57.733	68.796	79.250	89.127	98.460	107.278	115.609	123.480	132.784
54	21.587	35.361	48.374	60.667	72.283	83.258	93.628	103.427	112.686	121.433	129.696	139.466
55	22.793	37.259	50.925	63.835	76.034	87.560	98.451	108.741	118.464	127.650	136.328	146.589
56	24.043	39.210	53.537	67.072	79.861	91.945	103.363	114.151	124.345	133.975	143.073	153.832
57	25.742	41.990	57.340	71.841	85.543	98.489	110.721	122.280	133.200	143.518	153.265	164.792
58	27.978	45.768	62.573	78.451	93.452	107.626	121.019	133.674	145.631	156.928	167.600	180.218
59	30.400	49.923	68.366	85.791	102.254	117.810	132.509	146.398	159.521	171.919	183.631	197.476
60	36.045	60.419	84.235	107.506	110.208	129.009	147.380	165.331	182.872	200.011	216.759	233.124
61	39.185	65.904	92.011	117.522	120.534	141.144	161.283	180.961	200.189	218.978	237.337	255.277
62	42.324	71.257	99.530	127.156	130.434	152.753	174.562	195.872	216.695	237.041	256.923	276.350
63	45.336	76.223	106.403	135.893	139.369	163.194	186.474	209.222	231.450	253.170	274.393	295.131
64	48.500	81.405	113.557	144.974	148.646	174.028	198.829	223.064	246.744	269.883	292.493	314.586
65	52.295	87.734	122.364	156.201	160.148	187.485	214.198	240.299	265.804	290.726	315.078	-
66	56.436	94.680	132.049	168.563	172.821	202.321	231.146	259.313	286.835	313.728	-	-
67	60.869	102.245	142.674	182.179	186.814	218.731	249.917	280.390	310.167	-	-	-
68	65.978	111.216	155.419	198.612	203.768	238.664	272.762	306.079	-	-	-	-
69	71.398	120.795	169.062	216.226	221.956	260.060	297.292	-	-	-	-	-
70	77.562	131.846	184.889	236.719	243.155	285.028	-	-	-	-	-	-
71	84.802	144.729	203.285	260.503	267.733	-	-	-	-	-	-	-
72	93.182	159.522	224.346	287.687	-	-	-	-	-	-	-	-
73	102.500	176.073	247.964	-	-	-	-	-	-	-	-	-
74	112.333	193.732	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
75	122.715	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
18	9.129	9.425	9.697	9.948	10.178	10.390	10.585	10.763	10.927	11.076	11.212	11.336
19	9.472	9.783	10.069	10.332	10.574	10.797	11.002	11.189	11.361	11.518	11.661	11.791
20	9.830	10.156	10.457	10.734	10.989	11.223	11.439	11.636	11.817	11.983	12.134	12.271
21	10.198	10.540	10.856	11.146	11.414	11.659	11.885	12.093	12.283	12.457	12.615	12.760
22	10.714	11.079	11.414	11.724	12.009	12.271	12.512	12.733	12.935	13.121	13.290	13.444
23	11.524	11.921	12.288	12.626	12.937	13.223	13.486	13.728	13.949	14.152	14.337	14.506
24	12.412	12.846	13.246	13.614	13.954	14.267	14.554	14.818	15.060	15.282	15.485	15.670
25	13.344	13.817	14.254	14.657	15.029	15.371	15.685	15.974	16.239	16.482	16.704	16.906
26	14.093	14.607	15.083	15.522	15.927	16.301	16.645	16.962	17.254	17.521	17.767	17.991
27	14.883	15.438	15.953	16.429	16.869	17.275	17.650	17.995	18.314	18.607	18.876	19.122
28	15.720	16.319	16.874	17.388	17.864	18.305	18.712	19.088	19.434	19.754	20.048	20.317
29	16.644	17.290	17.889	18.445	18.961	19.438	19.880	20.289	20.666	21.015	21.336	21.631
30	17.527	18.219	18.862	19.459	20.013	20.527	21.004	21.445	21.853	22.230	22.578	22.899
31	18.399	19.134	19.818	20.454	21.044	21.593	22.101	22.573	23.010	23.415	23.789	24.134
32	19.769	20.567	21.310	22.001	22.644	23.241	23.796	24.311	24.789	25.232	25.642	26.020
33	21.676	22.560	23.385	24.153	24.867	25.533	26.151	26.726	27.260	27.755	28.213	28.638
34	23.763	24.743	25.658	26.511	27.307	28.047	28.736	29.378	29.974	30.527	31.041	31.517
35	26.090	27.181	28.199	29.149	30.035	30.862	31.632	32.349	33.016	33.636	34.212	34.747
36	28.639	29.850	30.982	32.040	33.027	33.949	34.808	35.610	36.356	37.051	37.696	38.296
37	31.649	33.005	34.273	35.459	36.567	37.602	38.568	39.470	40.310	41.093	41.822	42.500
38	31.949	33.387	34.738	36.007	37.200	38.320	39.334	41.511	43.052	44.557	46.029	47.466
39	35.651	37.270	38.793	40.226	41.572	43.449	45.283	47.076	48.827	50.538	52.210	53.844
40	39.861	41.688	43.407	45.024	47.211	49.347	51.435	53.475	55.468	57.416	59.319	61.178
41	44.570	46.631	48.572	51.120	53.609	56.042	58.419	60.741	63.011	65.228	67.395	69.512
42	49.175	51.467	54.392	57.251	60.044	62.774	65.441	68.047	70.593	73.082	75.513	77.889
43	53.523	56.833	60.068	63.228	66.317	69.334	72.283	75.164	77.980	80.731	83.419	86.045
44	59.130	62.793	66.371	69.868	73.285	76.624	79.886	83.074	86.189	89.233	92.207	95.113
45	65.340	69.393	73.353	77.222	81.003	84.698	88.308	91.835	95.282	98.650	101.941	105.157
46	72.209	76.693	81.075	85.356	89.540	93.627	97.622	101.525	105.339	109.065	112.707	116.265
47	80.733	85.754	90.661	95.455	100.140	104.718	109.191	113.561	117.832	122.005	126.083	130.067

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
48	91.379	97.074	102.638	108.076	113.389	118.581	123.654	128.611	133.455	138.188	142.813	147.332
49	103.559	110.028	116.348	122.524	128.558	134.455	140.216	145.846	151.348	156.723	161.976	167.108
50	115.423	122.643	129.698	136.592	143.328	149.910	156.341	162.626	168.767	174.767	180.630	186.359
51	126.395	134.308	142.040	149.595	156.977	164.190	171.239	178.126	184.856	191.432	197.858	204.137
52	135.390	143.868	152.153	160.248	168.159	175.888	183.441	190.820	198.032	205.078	211.963	218.691
53	141.876	150.759	159.440	167.922	176.210	184.308	192.222	199.954	207.510	214.893	222.107	-
54	149.012	158.340	167.454	176.360	185.063	193.566	201.875	209.994	217.928	225.680	-	-
55	156.616	166.413	175.987	185.341	194.482	203.413	212.141	220.668	229.001	-	-	-
56	164.346	174.619	184.658	194.466	204.051	213.417	222.568	231.510	-	-	-	-
57	176.056	187.062	197.817	208.325	218.594	228.627	238.431	-	-	-	-	-
58	192.548	204.596	216.368	227.872	239.112	250.095	-	-	-	-	-	-
59	211.004	224.223	237.139	249.760	262.093	-	-	-	-	-	-	-
60	249.114	264.739	280.007	294.926	-	-	-	-	-	-	-	-
61	272.806	289.934	306.671	-	-	-	-	-	-	-	-	-
62	295.332	313.881	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
63	315.394	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
18	11.448	11.550	11.641	11.723	11.797	11.862	11.919	11.970	12.198	12.421	12.639	12.852
19	11.910	12.017	12.113	12.200	12.278	12.347	12.407	12.461	12.699	12.932	13.160	13.382
20	12.396	12.509	12.611	12.703	12.785	12.858	12.923	12.979	13.229	13.473	13.711	13.944
21	12.891	13.010	13.118	13.214	13.301	13.378	13.446	13.506	13.766	14.021	14.269	14.512
22	13.585	13.712	13.827	13.930	14.023	14.106	14.179	14.243	14.519	14.788	15.052	15.309
23	14.660	14.799	14.925	15.039	15.141	15.231	15.312	15.383	15.682	15.975	16.261	16.540
24	15.838	15.990	16.129	16.253	16.365	16.465	16.553	16.631	16.956	17.274	17.584	17.888
25	17.091	17.258	17.410	17.547	17.670	17.780	17.878	17.964	18.317	18.662	18.999	19.328
26	18.196	18.382	18.552	18.705	18.844	18.968	19.079	19.177	19.556	19.926	20.288	20.641
27	19.348	19.554	19.742	19.912	20.066	20.205	20.329	20.441	20.846	21.242	21.628	22.006
28	20.565	20.791	20.998	21.186	21.357	21.511	21.651	21.775	22.208	22.631	23.044	23.448
29	21.902	22.151	22.379	22.587	22.776	22.947	23.102	23.241	23.704	24.157	24.599	25.031
30	23.194	23.465	23.714	23.941	24.149	24.337	24.508	24.662	25.155	25.636	26.107	26.566
31	24.452	24.744	25.013	25.259	25.484	25.689	25.875	26.415	26.944	27.460	27.964	28.457
32	26.370	26.692	26.988	27.259	27.508	27.735	28.341	28.933	29.512	30.077	30.630	31.170
33	29.030	29.392	29.726	30.032	30.313	31.007	31.685	32.348	32.995	33.628	34.246	34.850
34	31.957	32.364	32.739	33.085	33.879	34.656	35.414	36.156	36.880	37.588	38.280	38.955
35	35.242	35.700	36.124	37.035	37.926	38.797	39.648	40.479	41.292	42.085	42.861	43.619
36	38.852	39.368	40.414	41.436	42.435	43.411	44.364	45.296	46.206	47.096	47.965	48.815
37	43.129	44.338	45.518	46.672	47.799	48.901	49.977	51.029	52.056	53.060	54.042	55.000
38	48.871	50.243	51.584	52.895	54.176	55.427	56.649	57.844	59.011	60.152	61.267	62.356
39	55.441	57.001	58.525	60.015	61.470	62.892	64.282	65.640	66.967	68.263	69.530	70.768
40	62.995	64.771	66.506	68.201	69.858	71.476	73.058	74.604	76.114	77.589	79.031	80.440
41	71.581	73.603	75.578	77.508	79.394	81.237	83.038	84.797	86.517	88.197	89.838	-
42	80.210	82.478	84.695	86.861	88.977	91.045	93.065	95.040	96.969	98.854	-	-
43	88.612	91.120	93.570	95.965	98.305	100.591	102.825	105.008	107.141	-	-	-
44	97.952	100.727	103.438	106.088	108.676	111.206	113.678	116.093	-	-	-	-
45	108.299	111.370	114.370	117.301	120.166	122.965	125.700	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
46	119.742	123.139	126.459	129.702	132.872	135.969	-	-	-	-	-	-
47	133.961	137.765	141.482	145.115	148.664	-	-	-	-	-	-	-
48	151.747	156.062	160.278	164.398	-	-	-	-	-	-	-	-
49	172.123	177.024	181.812	-	-	-	-	-	-	-	-	-
50	191.957	197.427	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
51	210.272	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
18	13.060	13.263	13.462	13.656	13.846	14.031	14.212	14.389	14.562	14.731	14.896	15.057
19	13.600	13.812	14.020	14.223	14.421	14.615	14.804	14.989	15.170	15.346	15.519	15.687
20	14.171	14.393	14.611	14.823	15.030	15.233	15.431	15.624	15.813	15.998	16.179	16.355
21	14.750	14.982	15.209	15.430	15.647	15.858	16.065	16.267	16.465	16.657	16.846	17.030
22	15.561	15.807	16.047	16.282	16.511	16.735	16.954	17.168	17.377	17.581	17.781	17.976
23	16.813	17.080	17.340	17.595	17.844	18.087	18.325	18.557	18.784	19.005	19.222	19.434
24	18.184	18.474	18.757	19.033	19.303	19.568	19.825	20.078	20.324	20.565	20.800	21.030
25	19.650	19.964	20.272	20.572	20.865	21.152	21.432	21.706	21.973	22.234	22.490	22.739
26	20.986	21.324	21.653	21.975	22.290	22.598	22.898	23.192	23.479	23.759	24.033	24.301
27	22.376	22.737	23.089	23.434	23.770	24.099	24.421	24.735	25.042	25.342	25.635	25.921
28	23.843	24.228	24.605	24.973	25.333	25.684	26.028	26.363	26.691	27.012	27.325	27.631
29	25.453	25.866	26.269	26.663	27.048	27.424	27.792	28.151	28.502	28.845	29.180	-
30	27.016	27.454	27.883	28.302	28.712	29.112	29.503	29.885	30.258	30.623	-	-
31	28.938	29.409	29.868	30.318	30.756	31.185	31.604	32.014	32.414	-	-	-
32	31.697	32.212	32.716	33.208	33.689	34.159	34.618	35.066	-	-	-	-
33	35.440	36.017	36.580	37.131	37.669	38.195	38.708	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
34	39.616	40.261	40.892	41.508	42.110	42.698	-	-	-	-	-	-
35	44.359	45.083	45.790	46.481	47.156	-	-	-	-	-	-	-
36	49.645	50.456	51.248	52.022	-	-	-	-	-	-	-	-
37	55.937	56.853	57.747	-	-	-	-	-	-	-	-	-
38	63.420	64.460	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
39	71.977	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nam (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
18	15.215	15.369	15.519	15.667	15.810	15.951	16.088	16.222	16.353	16.481	-	-
19	15.852	16.013	16.170	16.324	16.474	16.621	16.764	16.904	17.041	-	-	-
20	16.527	16.696	16.860	17.021	17.178	17.332	17.482	17.628	-	-	-	-
21	17.210	17.386	17.558	17.726	17.890	18.050	18.207	-	-	-	-	-
22	18.167	18.353	18.535	18.713	18.886	19.056	-	-	-	-	-	-
23	19.640	19.842	20.040	20.233	20.421	-	-	-	-	-	-	-
24	21.254	21.474	21.688	21.897	-	-	-	-	-	-	-	-
25	22.983	23.221	23.454	-	-	-	-	-	-	-	-	-
26	24.562	24.818	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
27	26.201	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
18	1.515	1.979	2.433	2.876	3.309	3.472	3.856	4.232	4.599	4.958	5.188	5.523
19	1.570	2.051	2.521	2.981	3.430	3.599	3.998	4.387	4.768	5.140	5.378	5.726
20	1.645	2.158	2.659	3.149	3.628	3.810	4.235	4.650	5.056	5.453	5.707	6.077
21	1.738	2.285	2.819	3.342	3.852	4.048	4.501	4.944	5.377	5.800	6.072	6.467
22	1.840	2.431	3.009	3.573	4.125	4.338	4.828	5.307	5.775	6.232	6.526	6.953
23	1.963	2.607	3.238	3.853	4.455	4.691	5.225	5.748	6.258	6.756	7.079	7.544
24	2.083	2.788	3.478	4.152	4.811	5.074	5.659	6.231	6.789	7.335	7.690	8.199
25	2.205	2.979	3.736	4.475	5.198	5.492	6.134	6.761	7.373	7.972	8.362	8.921
26	2.350	3.203	4.036	4.850	5.645	5.974	6.681	7.371	8.045	8.705	9.136	9.751
27	2.535	3.475	4.394	5.292	6.170	6.537	7.316	8.078	8.822	9.549	10.026	10.705
28	2.758	3.798	4.815	5.809	6.779	7.189	8.051	8.894	9.717	10.522	11.051	11.802
29	3.003	4.153	5.277	6.376	7.449	7.905	8.859	9.790	10.701	11.590	12.176	13.006
30	3.280	4.550	5.792	7.004	8.189	8.695	9.748	10.776	11.781	12.764	13.411	14.328
31	3.618	5.022	6.395	7.736	9.046	9.606	10.770	11.908	13.019	14.105	14.821	15.834
32	3.980	5.526	7.037	8.514	9.956	10.573	11.854	13.106	14.330	15.525	16.314	17.429
33	4.343	6.038	7.694	9.313	10.895	11.572	12.977	14.350	15.691	17.002	17.867	19.090
34	4.733	6.591	8.408	10.183	11.917	12.662	14.203	15.708	17.179	18.616	19.565	20.906
35	5.155	7.195	9.188	11.135	13.038	13.859	15.549	17.200	18.814	20.391	21.434	22.905
36	5.610	7.853	10.044	12.185	14.277	15.183	17.041	18.857	20.631	22.365	23.512	25.130
37	6.148	8.629	11.055	13.424	15.740	16.746	18.803	20.813	22.776	24.695	24.837	25.985
38	6.788	9.553	12.255	14.895	17.475	17.774	19.964	22.103	24.194	25.666	27.031	28.297
39	7.710	10.788	13.796	16.734	19.606	19.922	22.359	24.203	26.479	28.093	29.590	30.980
40	8.778	12.205	15.554	18.826	22.024	21.868	24.523	26.540	29.021	30.790	32.433	33.960
41	9.468	13.198	16.843	20.404	23.884	23.801	26.699	28.916	31.625	33.574	35.386	37.071
42	10.107	14.104	18.010	21.826	25.555	25.549	28.664	31.061	33.975	36.086	38.051	39.881
43	10.672	14.890	19.011	23.038	26.973	27.044	30.341	32.891	35.976	38.226	40.323	42.277
44	11.307	15.813	20.216	24.518	28.722	28.890	32.422	35.170	38.476	40.905	43.171	45.285
45	11.984	16.805	21.515	26.118	30.615	30.891	34.680	37.644	41.192	43.816	46.267	48.555
46	12.949	18.167	23.265	28.247	32.396	32.774	36.796	39.958	43.726	46.530	49.151	52.539
47	13.873	19.467	24.933	30.273	33.982	34.464	38.695	42.035	46.000	48.967	52.683	56.315
48	14.736	20.672	26.473	32.141	35.325	35.910	40.317	43.812	47.943	51.980	55.924	59.778

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
49	15.671	22.088	28.357	34.484	37.167	37.898	42.574	47.144	51.609	55.972	60.235	64.401
50	18.788	26.614	34.262	41.735	49.037	49.931	56.129	62.184	68.101	73.883	71.580	76.548
51	20.035	28.411	36.596	44.594	52.409	53.374	60.006	66.487	72.820	79.008	76.549	81.866
52	21.190	30.087	38.780	47.275	55.575	56.610	63.654	70.538	77.264	83.836	81.232	86.880
53	22.215	31.583	40.737	49.682	58.422	59.522	66.940	74.189	81.271	88.192	85.459	91.406
54	23.320	33.382	43.214	52.821	62.209	63.450	71.417	79.203	86.810	94.243	91.355	97.743
55	24.530	35.337	45.897	56.216	66.298	67.689	76.246	84.608	92.778	100.762	97.706	104.567
56	25.793	37.179	48.304	59.176	69.798	71.270	80.285	89.095	97.703	106.114	102.899	110.127
57	26.965	38.937	50.636	62.067	73.237	74.801	84.281	93.544	102.595	111.439	108.073	115.673
58	28.048	40.626	52.916	64.926	76.661	78.335	88.295	98.027	107.536	116.828	113.316	121.301
59	29.135	42.641	55.839	68.735	81.336	83.243	93.938	104.388	114.599	124.577	120.893	129.467
60	30.323	44.840	59.026	72.888	86.432	88.593	100.088	111.321	122.296	133.021	129.150	138.366
61	31.643	46.962	61.930	76.557	90.849	93.168	105.298	117.150	128.732	140.048	135.996	145.720
62	32.975	49.081	64.818	80.196	95.221	97.692	110.445	122.906	135.082	146.980	142.745	152.969
63	34.323	51.190	67.672	83.778	99.515	102.126	115.482	128.533	141.285	153.746	149.329	160.037
64	35.680	53.691	71.290	88.487	105.291	108.187	122.448	136.383	150.000	163.305	158.676	170.109
65	37.455	57.110	76.316	95.082	113.420	116.745	132.308	147.515	162.375	176.894	171.974	-
66	39.378	60.535	81.209	101.410	121.149	124.832	141.585	157.954	173.950	189.579	-	-
67	41.055	63.417	85.267	106.618	127.481	131.437	149.143	166.444	183.350	-	-	-
68	42.970	66.702	89.892	112.551	134.692	138.957	157.749	176.110	-	-	-	-
69	45.060	70.754	95.860	120.392	144.364	149.144	169.488	-	-	-	-	-
70	48.605	77.440	105.616	133.148	160.050	165.633	-	-	-	-	-	-
71	53.905	86.888	119.117	150.609	181.381	-	-	-	-	-	-	-
72	59.933	97.679	134.563	170.603	-	-	-	-	-	-	-	-
73	66.790	110.011	152.244	-	-	-	-	-	-	-	-	-
74	74.260	124.321	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
75	82.570	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
18	5.720	6.033	6.338	6.636	6.928	7.056	7.329	7.433	7.688	7.771	8.009	8.073
19	5.930	6.254	6.571	6.880	7.183	7.315	7.598	7.706	7.970	8.057	8.303	8.370
20	6.296	6.641	6.979	7.309	7.631	7.773	8.074	8.190	8.472	8.564	8.827	8.899
21	6.700	7.069	7.429	7.781	8.125	8.277	8.598	8.722	9.022	9.121	9.402	9.478
22	7.206	7.604	7.993	8.373	8.744	8.909	9.256	9.391	9.715	9.823	10.126	10.210
23	7.821	8.255	8.680	9.094	9.500	9.680	10.059	10.207	10.560	10.679	11.010	11.101
24	8.503	8.979	9.443	9.897	10.341	10.540	10.954	11.117	11.504	11.635	11.997	12.099
25	9.257	9.778	10.288	10.786	11.272	11.492	11.947	12.127	12.552	12.696	13.094	13.206
26	10.122	10.696	11.257	11.805	12.341	12.585	13.085	13.285	13.753	13.913	14.351	14.476
27	11.115	11.748	12.367	12.972	13.563	13.833	14.385	14.607	15.122	15.301	15.783	15.922
28	12.257	12.957	13.642	14.311	14.965	15.265	15.876	16.122	16.692	16.891	17.424	17.579
29	13.510	14.285	15.042	15.782	16.505	16.837	17.512	17.785	18.416	18.636	19.226	19.399
30	14.885	15.740	16.576	17.393	18.191	18.558	19.304	19.606	20.303	20.546	21.197	21.388
31	16.451	17.397	18.321	19.224	19.669	20.513	20.883	21.672	21.974	22.711	22.953	23.643
32	18.108	19.149	20.167	20.701	21.191	22.100	22.509	23.359	23.695	24.490	24.761	25.505
33	19.834	20.976	21.611	22.195	22.731	23.707	24.157	25.070	25.442	26.296	26.599	27.398
34	21.723	22.475	23.168	23.806	24.393	25.441	25.936	26.917	27.329	28.247	28.583	29.443
35	23.284	24.104	24.860	25.558	26.200	27.327	27.871	28.926	29.381	30.368	30.743	31.668
36	25.005	25.900	26.727	27.490	28.194	29.409	30.008	31.145	31.648	32.714	33.130	34.129
37	27.047	28.030	28.939	29.780	30.557	31.875	32.538	33.773	34.333	35.490	35.955	37.041
38	29.470	30.556	31.563	32.494	33.357	34.798	35.536	36.887	37.512	38.778	40.016	41.225
39	32.270	33.466	34.575	35.603	36.556	38.130	38.948	40.424	41.866	43.276	44.653	45.999
40	35.379	36.696	37.918	39.052	40.104	41.826	43.508	45.152	46.758	48.327	49.861	51.359
41	38.639	40.095	41.449	42.707	44.672	46.593	48.469	50.303	52.094	53.845	55.556	57.227
42	41.585	43.170	44.644	46.852	49.010	51.118	53.178	55.190	57.157	59.079	60.957	62.792
43	44.098	45.795	48.236	50.621	52.952	55.229	57.455	59.629	61.754	63.830	65.859	67.841
44	47.257	49.988	52.656	55.264	57.812	60.301	62.734	65.111	67.434	69.704	71.922	74.089
45	51.614	54.602	57.521	60.374	63.162	65.886	68.548	71.149	73.691	76.174	78.600	80.972
46	55.849	59.083	62.244	65.332	68.350	71.298	74.180	76.995	79.746	82.434	85.060	87.627
47	59.863	63.331	66.719	70.029	73.264	76.425	79.514	82.532	85.481	88.362	91.178	93.929
48	63.544	67.224	70.820	74.334	77.767	81.122	84.400	87.603	90.733	93.791	96.780	99.700

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
49	68.472	72.449	76.336	80.133	83.844	87.470	91.013	94.475	97.858	101.164	104.394	107.550
50	81.403	86.147	90.782	95.312	99.738	104.062	108.288	112.417	116.452	120.394	124.247	128.011
51	87.062	92.139	97.100	101.948	106.684	111.313	115.835	120.254	124.572	128.792	132.914	136.943
52	92.399	97.791	103.060	108.209	113.239	118.155	122.959	127.652	132.239	136.720	141.099	145.378
53	97.217	102.895	108.443	113.865	119.162	124.338	129.396	134.339	139.168	143.887	148.498	-
54	103.984	110.083	116.042	121.865	127.554	133.114	138.547	143.855	149.042	154.110	-	-
55	111.270	117.820	124.221	130.475	136.586	142.557	148.392	154.094	159.665	-	-	-
56	117.190	124.091	130.834	137.423	143.862	150.153	156.301	162.307	-	-	-	-
57	123.100	130.356	137.447	144.375	151.145	157.760	164.224	-	-	-	-	-
58	129.103	136.727	144.176	151.455	158.568	165.518	-	-	-	-	-	-
59	137.845	146.031	154.030	161.847	169.484	-	-	-	-	-	-	-
60	147.371	156.171	164.769	173.170	-	-	-	-	-	-	-	-
61	155.222	164.507	173.580	-	-	-	-	-	-	-	-	-
62	162.959	172.720	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
63	170.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
18	8.296	8.343	8.551	8.583	8.778	8.796	8.979	8.984	9.155	9.150	9.310	9.295
19	8.601	8.650	8.866	8.899	9.101	9.120	9.309	9.315	9.492	9.486	9.652	9.636
20	9.145	9.198	9.428	9.464	9.679	9.699	9.901	9.908	10.097	10.091	10.268	10.251
21	9.741	9.797	10.043	10.081	10.311	10.333	10.548	10.555	10.757	10.751	10.940	10.922
22	10.493	10.555	10.820	10.862	11.110	11.135	11.367	11.376	11.593	11.588	11.792	11.773
23	11.411	11.479	11.768	11.814	12.085	12.112	12.366	12.376	12.614	12.608	12.830	12.811
24	12.437	12.513	12.830	12.881	13.178	13.209	13.486	13.498	13.758	13.753	13.997	13.976
25	13.578	13.662	14.009	14.067	14.393	14.428	14.732	14.746	15.031	15.027	15.294	15.273
26	14.885	14.979	15.361	15.427	15.785	15.824	16.160	16.176	16.490	16.486	16.780	16.758
27	16.373	16.478	16.900	16.973	17.368	17.412	17.782	17.801	18.148	18.144	18.469	18.445

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
28	18.078	18.195	18.662	18.743	19.180	19.230	19.639	19.661	20.045	20.041	20.401	20.374
29	19.950	20.080	20.596	20.687	21.170	21.226	21.678	21.703	22.127	22.124	22.521	22.493
30	21.997	22.141	22.711	22.811	23.345	23.407	23.907	23.935	24.403	24.400	24.838	24.808
31	23.830	24.475	24.613	25.217	25.310	25.876	25.930	26.459	26.477	26.974	26.959	27.425
32	25.717	26.414	26.573	27.225	27.336	27.947	28.015	28.587	28.616	29.153	29.677	30.189
33	27.637	28.386	28.568	29.269	29.400	30.057	30.141	30.757	31.359	31.947	32.522	33.083
34	29.712	30.517	30.724	31.479	31.631	32.338	33.029	33.705	34.365	35.010	35.640	36.256
35	31.969	32.836	33.071	33.884	34.679	35.455	36.214	36.955	37.679	38.387	39.078	39.754
36	34.466	35.402	36.317	37.211	38.084	38.938	39.772	40.586	41.383	42.161	42.921	43.664
37	38.101	39.137	40.149	41.139	42.105	43.050	43.973	44.875	45.756	46.617	47.458	48.280
38	42.406	43.560	44.688	45.791	46.868	47.920	48.948	49.953	50.935	51.894	52.832	53.748
39	47.314	48.599	49.854	51.081	52.280	53.451	54.596	55.714	56.807	57.875	58.918	59.938
40	52.824	54.254	55.652	57.018	58.353	59.657	60.932	62.177	63.394	64.583	65.745	66.880
41	58.860	60.456	62.016	63.540	65.028	66.483	67.905	69.294	70.652	71.978	73.274	-
42	64.585	66.337	68.049	69.721	71.356	72.953	74.514	76.039	77.529	78.985	-	-
43	69.778	71.671	73.520	75.327	77.093	78.818	80.504	82.152	83.762	-	-	-
44	76.206	78.275	80.297	82.273	84.203	86.089	87.932	89.733	-	-	-	-
45	83.288	85.552	87.764	89.926	92.038	94.102	96.119	-	-	-	-	-
46	90.135	92.585	94.980	97.320	99.606	101.840	-	-	-	-	-	-
47	96.618	99.245	101.811	104.320	106.770	-	-	-	-	-	-	-
48	102.553	105.341	108.065	110.727	-	-	-	-	-	-	-	-
49	110.634	113.647	116.591	-	-	-	-	-	-	-	-	-
50	131.689	135.283	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
51	140.879	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
18	9.445	9.592	9.735	9.875	10.012	10.146	10.277	10.404	10.529	10.651	10.771	10.887
19	9.792	9.944	10.093	10.238	10.380	10.519	10.655	10.787	10.917	11.043	11.167	11.288
20	10.418	10.580	10.738	10.893	11.045	11.192	11.337	11.478	11.616	11.751	11.883	12.012
21	11.100	11.273	11.442	11.607	11.768	11.926	12.080	12.231	12.378	12.522	12.663	12.800
22	11.964	12.151	12.334	12.513	12.687	12.858	13.024	13.187	13.346	13.501	13.653	13.801
23	13.020	13.224	13.423	13.618	13.808	13.994	14.176	14.353	14.527	14.696	14.862	15.024
24	14.205	14.428	14.646	14.859	15.068	15.271	15.470	15.664	15.854	16.040	16.221	16.398
25	15.523	15.768	16.007	16.241	16.470	16.693	16.911	17.124	17.333	17.536	17.735	17.929
26	17.034	17.303	17.567	17.824	18.076	18.322	18.562	18.797	19.026	19.250	19.469	19.683
27	18.749	19.047	19.337	19.621	19.899	20.170	20.435	20.694	20.947	21.194	21.435	21.671
28	20.711	21.040	21.362	21.676	21.983	22.283	22.576	22.863	23.143	23.416	23.684	23.945
29	22.865	23.229	23.585	23.932	24.272	24.604	24.928	25.244	25.554	25.856	26.152	-
30	25.219	25.621	26.013	26.397	26.771	27.138	27.496	27.845	28.187	28.521	-	-
31	27.879	28.324	28.758	29.182	29.596	30.001	30.397	30.784	31.161	-	-	-
32	30.690	31.179	31.657	32.124	32.580	33.026	33.461	33.887	-	-	-	-
33	33.632	34.168	34.692	35.204	35.704	36.193	36.671	-	-	-	-	-
34	36.857	37.445	38.020	38.581	39.130	39.666	-	-	-	-	-	-
35	40.414	41.059	41.690	42.306	42.907	-	-	-	-	-	-	-
36	44.390	45.099	45.792	46.469	-	-	-	-	-	-	-	-
37	49.084	49.869	50.636	-	-	-	-	-	-	-	-	-
38	54.643	55.517	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
39	60.934	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu phí theo định kỳ năm cho giới tính Nữ (Đơn vị: đồng)												
Tuổi	Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm (năm)											
	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
18	11.001	11.112	11.221	11.327	11.431	11.532	11.631	11.728	11.823	11.915	-	-
19	11.406	11.521	11.634	11.744	11.851	11.956	12.059	12.159	12.257	-	-	-
20	12.137	12.260	12.380	12.498	12.612	12.725	12.834	12.941	-	-	-	-
21	12.934	13.065	13.193	13.318	13.441	13.560	13.677	-	-	-	-	-
22	13.946	14.088	14.226	14.362	14.494	14.623	-	-	-	-	-	-
23	15.182	15.336	15.487	15.635	15.779	-	-	-	-	-	-	-
24	16.571	16.741	16.906	17.067	-	-	-	-	-	-	-	-
25	18.119	18.305	18.486	-	-	-	-	-	-	-	-	-
26	19.892	20.096	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
27	21.902	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-